
SỐ THÁNG SEPTEMBRE 1941

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHÀO-CỨU

TRONG SỐ NÀY :

- Anh em thanh-niên ! Nay đến lúc ta về làm việc làng.
của VŨ-DÌNH-HÒE
- Vấn-đề ngôi thứ ở hương thôn và dụ ngày 23 Mai
1941.
của TÂN-PHÔNG
- Tinh cách văn chương Việt Nam trước thời kỳ Âu-hóa,
của DÌNH-GIÁ-TRINH
- Thanh-niên ta cần có một nền thể-thao tập-quần.
của NGUYỄN NHƯ KONTUM
- Cho vay lãi và cầm họ trước pháp-luật. của Đ. X. S.
- Giáo dục thanh-niên và nền sơ-học ở nước ngoài.
của VŨ-DÌNH-HÒE
- Về chuyện một chiếc va-lý. của NGUYỄN-TUÂN
- Thế giới trong tháng vừa qua. của D. A.
- Đưa con, liều thuyết dật. của ĐỖ ĐỨC THU

NAY ĐẾN LÚC VIỆC LÀNG

của VŨ-ĐÌNH-HÒE

kiểu-mẫu kiến-trúc. Sau bao công tìm kiếm và nhiều lần thất bại ngay lúc khởi sự, chúng tôi chọn được một làng có gần đủ điều-kiện để làm việc, thuộc địa hạt Hà-dồng, trong đó

ông Chánh-hội là một bạn trẻ tân-tiến có học và sốt sắng làm việc công. Phe địch của ông là một viên cựu chánh-tổng, bị thiếu số trong hương-hội, nhưng lại có thế-lực trong làng và trong hội-đồng kỳ-mục (1).

Ông bạn Chánh-hội cùng chúng tôi đã đi tới một hiệp-ước giữa ban quản-trị của Đoàn và ban hương-hội của làng. Mọi việc đã xong được 9 phần 10. Chỉ còn cần sự ưng-thuận của ban hội-đồng kỳ-mục. Ông chánh-hội, sử nhữn, đi từng nhà các ông kỳ-mục để xin chữ ký vào biên-bản của hội-đồng hương-hội. Nhưng vì mặt-lệnh của viên cựu chánh-tổng kia, các ông già kỳ-mục tìm cơ thoái thác, ông nọ đùn ông kia ký trước. Họ cũng biết là việc phải và có lợi chung nhưng họ kéo bè với viên Chánh-tổng để phá phoi công việc của ông chánh-hội. Rồi việc cứ thế dằng dai trong 5, 6 tháng không xong, cho dầu chúng tôi cũng đã dùng hết cách để điều đình cho hai bên được thỏa-thuận.

Sau việc đó tôi chán nản vô cùng và yên trí rằng, muốn có sự tiến-bộ trong đời sống hương-thôn chỉ còn có hai cách, một là mở mang dân-trí hai là dùng quyền độc đoán,

CÁCH thứ hai đã thành sự thực. Tôi rất sung sướng khi được tin đạo Dụ ngày 23 Mai 1941 ban hành.

Đạo Dụ này bãi hẳn sự bầu-cử trong hương-chính; tập-trung quyền-hành trong tay một số ít người (một hội-đồng bị giải tán : hội-đồng tộc-biểu); giao quyền chính cho những người có chức tước, khoa mục hay đã đã từng làm việc làng; — đặt nhiều quyền trong tay ông tiên-chỉ, chánh hội-đồng kỳ-mục. Việc cải-lương này đại để lại quay về tình-thế trước năm 1921. Sự cải-lương đó có thật hoàn-toàn không? Tất cả những khoản trong Dụ có xác-đáng không? Đó là một vấn-đề khác. Ta chỉ biết với cuộc cải-cách này, ta có hi-vọng rồi đây quyền-hành sẽ được rút ở tay những bọn cường hào bắt lực và bắt lương — chỉ tranh được quyền bằng cách mua phiếu — mà trao cho bọn có học, có tài, có giáo-dục, có lương-tâm.

Song sự hi-vọng đó đi đôi với một mối lo lắng.

Ngày xưa (trước 1921), việc bầu-cử không có. hương-chính thường ở trong tay các cụ nho-học sống ở làng và được dân-sự kính nể, đề bệch bọn trọc-phủ vô-học. Từ hồi 1921 bọn vô-liêm-sĩ đó, lợi dụng sự bầu-cử hoặc bằng cách này cách khác đã len được vào bức đàn anh trong làng. Với đạo Dụ mới, họ sẽ bị truất-ngôi Nhưng họ sẽ có trăm nghìn kế để dành chức tiên-chỉ. Trái lại, những người khoa mục chức tước cao phần nhiều là trong phái thanh-niên tân học, sống ở ngoài tỉnh, ít có liên-lạc với quê quán và ớc đến nay rất lãnh đạm với việc làng mà họ đã thấy mọi sự sấu sa.

(1) nghị-định 1921 và 1925, trong hương-chính có hai hội-đồng, hội-đồng tộc-biểu hay hương hội có định đoạt các công việc làng, và hội-đồng kỳ-mục chỉ có quyền ưng thuận hay phản đối những điều quyết-định của hương-hội. Nếu hai hội-đồng không thỏa hợp thì ông công sự sẽ phân xử

NAY ĐẾN LÚC VIỆC LÀNG

của VŨ-ĐÌNH-HÒE

kiểu-mẫu kiến-trúc. Sau bao công tìm kiếm và nhiều lần thất bại ngay lúc khởi sự, chúng tôi chọn được một làng có gần đủ điều-kiện để làm việc, thuộc địa hạt Hà-đông, trong đó

ông Chánh-hội là một bạn trẻ tân-tiến có học và sốt sắng làm việc công. Phe địch của ông là một viên cựu chánh-tổng, bị thiếu số trong hương-hội, nhưng lại có thế-lực trong làng và trong hội-đồng kỳ-mục (1).

Ông bạn Chánh-hội cùng chúng tôi đã đi tới một hiệp-ước giữa ban quản-trị của Đoàn và ban hương-hội của làng. Mọi việc đã xong được 9 phần 10. Chỉ còn cần sự ưng-thuận của ban hội-đồng kỳ-mục. Ông chánh-hội, sử nhữn, đi từng nhà các ông kỳ-mục để xin chữ ký vào biên-bản của hội-đồng hương-hội. Nhưng vì mặt-lệnh của viên cựu chánh-tổng kia, các ông già kỳ-mục tìm cơ thoái thác, ông nọ đùn ông kia ký trước. Họ cũng biết là việc phải và có lợi chung nhưng họ kéo bè với viên Chánh-tổng để phá chơi công việc của ông chánh-hội. Rồi việc cứ thế dằng dai trong 5, 6 tháng không xong, cho dầu chúng tôi cũng đã dùng hết cách để điều đình cho hai bên được thỏa-thận.

Sau việc đó tôi chán nản vô cùng và yên trí rằng, muốn có sự tiến-bộ trong đời sống hương-thôn chỉ còn có hai cách, một là mở mang dân-trí hai là dùng quyền độc đoán,

CÁCH thứ hai đã thành sự thực. Tôi rất sung sướng khi được tin Đạo Dụ ngày 23 Mai 1941 ban hành.

Đạo Dụ này bãi hẳn sự bầu-cử trong hương-chính; tập-trung quyền-hành trong tay một số ít người (một hội-đồng bị giải tán: hội-đồng tộc-biểu); giao quyền chính cho những người có chức tước, khoa mục hay đã đã từng làm việc làng; — đặt nhiều quyền trong tay ông tiên-chỉ, chánh hội-đồng kỳ-mục. Việc cải-lương này đại để lại quay về tình-thế trước năm 1921. Sự cải-lương đó có thật hoàn-toàn không? Tất cả những khoản trong Dụ có xác-đáng không? Đó là một vấn-đề khác. Ta chỉ biết với cuộc cải-cách này, ta có hi-vọng rồi đây quyền-hành sẽ được rút ở tay những bọn cường hào bắt lực và bắt lương — chỉ tranh được quyền bằng cách mua phiếu — mà trao cho bọn có học, có tài, có giáo-dục, có lương-tâm.

Song sự hi-vọng đó đi đôi với một mối lo lắng.

Ngày xưa (trước 1921), việc bầu-cử không có, hương-chính thường ở trong tay các cụ nho-học sống ở làng và được dân-sự kính nể, đề bực, quý trọng. Từ hồi 1921 bọn vô-liêm-sĩ đó, lợi dụng sự bầu-cử bằng cách này cách khác đã len được vào bực đàn anh trong làng. Với đạo Dụ mới, họ sẽ bị truất ngôi Nhưng họ sẽ có trăm nghìn kế để dành chức tiên-chỉ. Trái lại, những người khoa mục chức tước cao phần nhiều là trong phái thanh-niên tân học, sống ở ngoài lĩnh, ít có liên-lạc với quê quán và từ trước đến nay rất lạnh nhạt với việc làng mà họ đã thấy mọi sự sấu sa.

(1) Theo nghị-định 1921 và 1925, trong hương-chính có hai hội-đồng, hội đồng tộc biểu hay hương hội có quyền định đoạt các công việc làng, và hội đồng kỳ-mục chỉ có quyền ưng thuận hay phản đối những quyết-định của hương-hội. Nếu hai hội-đồng không thỏa-hợp thì ông công sứ sẽ phân-xử.

Tôi đã dò ý một số anh em thanh-niên về việc này. Có bạn vì ngại sự đi về, có bạn vì ngại phải tế lễ, có bạn chán nản vì cảnh tượng nát bét trong hương-chính, đã định ý từ chối ngôi nhất làng trước khi hội-đồng (1) đề cử. Có bạn sốt sắng đã chịu hi-sinh mấy luận lập bằng ngôi-thứ, nhưng đã mất hăng hái trước những hành-động không thẳng thắn của bọn cường hào.

Các bạn tất đã trông rõ sự nguy-hiểm: nếu bọn trẻ tân-học từ chối ngôi tiên-chỉ thì ta thấy ngay cái kết quả đảo ngược của việc cải lương này mà chắc chắn không ở trong ý muốn của nhà làm luật: quyền-chính sẽ lại vào tay bọn một dân, và luật pháp sẽ ban cho họ quyền độc đoán để họ ngang nhiên thực hành những lòng ham muốn mờ ám.

Không, không thể thế được! Ta phải coi là một tội lỗi đối với đồng bào, khi có dịp để phụng sự đoàn-thể, mà ta từ chối, chỉ vì muốn tránh những sự bần rộn đến mình!

Các bạn không nhận tức còn phụ lòng các nhà làm luật đã có ý tốt muốn tìm những người cầm đầu xứng đáng cho dân quê và cho mình những lợi khi để làm việc. Còn có dịp nào tốt bằng dịp này. Các bạn có phải tung tiền ra để tranh cử với bọn trọc phú đâu.

Các bạn sợ có nhận cũng chẳng làm được việc gì? Sợ như thế cũng phải. Nhưng, thưa các bạn, sự thực trái hẳn.

Công việc ở làng chỉ là công việc hành-chính, cũng như công việc ở một thành-phố. Chỉ cần có hai điều-kiện: quyền định-đoạt và tiền:

1) *Quyền định* — xưa nay vẫn có. Chính-phủ nay cũ xưa vẫn để làng tự liệu và chủ trương nhiều việc quan hệ đến cuộc sống trong dân như việc tuần phòng, đào giếng, đắp đường, tu sửa đền đài, làm trường, đặt khoán lệ, lập hương ước, quản-trị các tài sản v. v... Rút lại, làng có quyền tự trị khá rộng đối với sự tổ chức hành-chính của toàn xứ.

(1) Hội đồng hương hội sẽ bãi sau khi lập bằng ngôi thứ.

Quyền định đoạt các công việc trên, trước giao cho hương-hội, hành động với sự ưng-thuận của hội-đồng kỳ-mục (nghị-định 1921 và 1925) — vì thế sinh nhiều truyền sung đột của hai hội đồng —, nay sẽ tập trung vào một hội-đồng, hội-đồng kỳ-mục (Dụ 1941 bãi hội-đồng tộc-biểu).

Trong hội-đồng, từ nay quyền hành lại tập trung vào tay viên tiên-chỉ. Viên đó có quyền chỉ huy và giám sát chức-vụ của các kỳ-mục, theo tục-lệ cổ truyền. Riêng viên tiên-chỉ có quyền:

- quản-trị những tài sản của làng,
- kiểm sát việc tuần phòng và vệ-sinh chung.
- trừng phạt những điều trái khoán-lệ mà không ở trong phạm-vi hình-luật,
- phân-xử những việc xích-mịch nhỏ nhỏ trong dân-sự.

Đó là những quyền khá to mà hiện thời giao cho cả hội-đồng tộc-biểu. So với viên chánh-hội thì viên tiên-chỉ sau đây có quyền hành gấp mấy.

2) *Tiền*. — Cái trở lực lớn trong công việc làng mà chắc các bạn đã thấy rõ, là sự ít tiền. Ít chứ không phải là không có. Sở dĩ từ trước đến nay bọn hương chức không làm được việc gì và dân quê vẫn sống cái đời cô-lậu, là vì bọn đàn anh đã không có chút tài cán gì để quản-trị việc hương thôn lại còn có manh tâm chia tay tiền công-quỹ để bù đắp sự thiệt-thòi trong những vụ bầu cử, không kể những thủ-đoạn bắt lương để bóc lột bọn dân em bé họng.

Nay các bạn ra cầm quyền-chính, chỉ cần một chút thao-lược là có thể kiểm-được tiền làm việc. Trước hết nhà nước cho phép làng thu những thuế ngoại-ngạch. Những thuế đó, nếu phân bổ cẩn-thận và được vào cả trong quỹ cũng đã là một số tiền rồi. Hội-đồng lại có quyền định các thuế ngoại-phụ riêng của dân như thuế nhà-cửa, trâu, bò, ngựa và thuế ngoại-phụ về thuế điền-thổ. Những công-diền, công-thổ những ao những bãi của làng, ta sẽ không chia cho từng người được hưởng riêng mà xin phép cho thuê hay bán mẫu lấy tiền sung quỹ. Những ruộng đất hương-diền ta sẽ thu hoa lợi

sung quỹ rồi làng chịu lấy tiền chi-phi để tránh những sự phí phạm của bọn ăn bám vào thần thánh.

Rồi những tiền nộp treo, nộp khao, những tiền bán nhiều, bán hậu, những tiền lệ trong việc ma chay, những tiền phạt về những việc kiện cáo vật... đều là những nguồn-lợi không nhỏ. Sự tiết-kiệm trong những việc phù phiếm như tế-lễ, đình đám, — những phương-pháp mới trong việc quản-lý tài-chính, như sổ dự-chỉ dự-thu sổ, kế toán, — sự kiểm-soát nghiêm ngặt các công việc chấp-hành như dùng lối bỏ thầu những việc công-tác (chữa đình, làm trường...) thay vào lối giao mỗi người một việc (mua tre, mua gạch, làm đốc công...) để tránh những sự lạm tiêu, — đều là những cách hiệu-nghiem để giữ chặt chẽ tiền trong quỹ. Đó là cách tằn-tảo, tiết-kiệm tinh toán phân minh của một bà nội-trợ giỏi để gây sự sung túc trong gia-đình.

Vời bằng ấy cách, theo quỹ một làng có chừng 500 \$ 00 một năm, chúng tôi đã tính có thể kiếm thêm cho quỹ một số tiền tương đương như thế. Vậy dầu ở một làng nghèo đến đâu ta cũng có thể tìm được tiền làm việc



Có quyền, có tiền trong tay, các bạn còn lo gì không thực hành được ý muốn,

Bỏ hết những cao vọng. Không cần một chương trình vĩ đại. Tôi chỉ xin các bạn trước hết làm hai việc sau này :

1-) *làm lại quyền-hương-trúc* để cải-lương những tục-lệ phiền phức tốn kém như tế lễ khao vọng ma chay... , tổ chức việc tương trợ, định rõ quyền-hạn và chức-vụ của từng người cùng những quy tắc trong việc chấp hành những định-quyết của hội đồng.

2-) *lập sổ chỉ thu hàng năm* : kê khai tường tận những tài sản và nguồn lợi của làng, dự-tính số thu, định trước việc tiêu — Đó là phương pháp duy nhất để việc quản-trị có căn-bản và việc tài-chính được minh-bạch.

Rồi các bạn, tùy tài-lực của làng, tùy sự cần kíp, định lấy một vài việc sẽ làm trong năm tới : đào một cái giếng lập một trường

học, đắp một con đường, làm một nhà hộ-sinh, tổ chức một xưởng công-nghệ v. v... Làm được nhiều việc cang hay. Nếu không, chỉ một việc trong một năm cũng đủ. Và cứ như thế trong 10 năm, các bạn sẽ sung sướng thấy sự tiến bộ không ngờ.

Phải quả-quyết và kiên tâm. Đó là hai phương châm trong sự hành động của các bạn.

Các bạn phải sẵn sàng đợi ở một phe địch, tức là bọn tổng lý, cái bọn cường hào ý thể quan đáng ghê sợ nhất cho dân quê. Bọn đó theo Dụ mới, vẫn giữ nguyên chức. Mà về sau, cho có khuyết những chân ấy, các bạn hẳn cũng không thể nhận được, hoặc vì bận công việc ở ngoài tỉnh, hoặc vì đã là viên-chức nhà nước — Bọn cường hào đó sẽ kết liên với bọn bỏ lão là bọn từ nay không được dự vào hương-chính, nhưng vẫn có thể-lực trong dân (dân quê ta vẫn còn trọng tuổi một cách quá đáng).

Hai bọn đó tất không phải là phái đồng chí của các bạn : bọn bỏ lão là con chiến tranh thành của những hủ-tục (ăn uống, tế lễ...), còn bọn lý-dịch thì 99 phần trăm là những con một dân đa mưu và có guơm dao.

Họ sẽ có thiên vạn kế để nếu không ngấm ngấm phản hại được bạn, thì ít ra cũng làm bạn phải bức mình vì những truyện lèo nhèo, và làm ngăn trở công việc của bạn. Nói thí dụ, bạn muốn đào một cái giếng lấy nước ăn trong sạch cho dân — Họ sẽ phá công việc của bạn (vì dố-ky, vì không được « chắm mứt »), họ sẽ bày cách sui dân chống lại vì đào giếng sẽ làm động long mạch và mang bệnh dịch vào làng !

Tôi nêu những trở-lực đó quyết nhiên không phải để làm g các bạn.

(Xem tiếp trang 29)

Thông-chế Pétain đã nói :

« Dân quê Pháp chịu vất vả đã khá lâu. Ngày nay họ phải được trọng đãi ».

Vấn - đề ngôi thứ ở HƯƠNG THÔN VÀ DỰ - NGÀY 23 MAI 1941

của TÂN PHONG

Dự ngày 23 Mai 1941 bãi hội-đồng tộc-biêu mà đặt ra hội-đồng kỳ-hào, bỏ chiến chánh hương-hội mà đặt ra trong mỗi làng một cái chiến « tiên chỉ » và định rằng chức chánh hội-đồng kỳ-hào từ nay để giao cho người kỳ-hào đứng đầu trong xã. Như thế tức là nhà làm luật muốn đem việc làng xóm ủy thác cho những người vẫn được dân quê kính nể vì địa vị của họ trong xã-hội : mỗi xã-hội từ nay sẽ có một người « thủ-lĩnh » hợp-nhất trong tay cả oai-quyền về tinh-thần và thế-lực về cai-trị.

Vì thế đó nên người ta phải chú-trọng đến vấn đề ngôi-thứ trong hương-thôn. Vấn đề ấy trước kia chỉ có tính cách lễ-nghi, danh vọng nay đã thành ra một vấn-đề thực-tế, một vấn-đề cai-trị.

Nhưng giải-quyết vấn đề ấy không phải là dễ. Cuộc tiến-hóa của dân-quê, của những sự cải-cách hương-chính trước đây đã phá bỏ cái thứ-bực cũ trong các xã : tại nhiều làng, vì tranh dành, ghen ghét, lãnh-đạm hay vì sự cách-biệt do cuộc sinh-hoạt gây ra, người ta không thấy nói đến các vị tiên-thứ chỉ nữa, còn như người kỳ-hào đứng đầu và có mặt trong làng thường chỉ là một viên chánh phó tổng, lý-trưởng đã từ-dịch, viên-chức nhỏ đã về hưu hay một tay trọc phú. . . . được chút phẩm hàm.

Muốn duy-trì lại thứ-bực trong hương-thôn, muốn để những người có tài năng, có học thức — những phần-tử mới — đến đời sống ở dân quê, những nhà thá . . . 23 Mai 1941 đã nêu ra nhiều câu hỏi mà . . . dịp này ra có lẽ không bao giờ người ta mới tìm cách giải nhời.

Cùng trong một làng có một ông tú hay ông cử chữ nho, vài ông cử nhân hay tú-tài tây nện đặt lại làm tiên-chỉ ? Phải giải-quyết ra sao nếu trong làng có một viên-chức vào ngạch trung-đẳng (thư-ký, thừa phái v. v.) đã về hưu hay đã làm việc lâu năm nên được sắc phong tới tam-tứ phẩm và

một viên-chức vào ngạch cao-đẳng (tham-lá, y-sĩ v. v.) nhưng phẩm hàm kém hơn ? Có một người có bằng cấp cao nhưng không làm việc nhà nước không có phẩm hàm và vài người có cửu-phẩm, bát-phẩm, hoặc là viên-chức thuộc ngạch trung-đẳng hay cao đẳng ? Có hai người cùng bằng cấp, hoặc cùng phẩm hàm nhưng nghề-nghiệp khác nhau v. v. ?

Những thí-dụ trên không phải do trí tưởng-tượng đặt ra. Các nhà đương-chức đã gặp nhiều trường-hợp như thế hoặc khó khăn hơn trong khi sửa soạn để thi-hành đạo Dự mới.

KIỂM DUYỆT BỎ 6 GIỜ

Về chỗ này đạo Dự 23 Mai 1941 định phải dựa theo tục-lệ từng làng.

Nhưng tục-lệ các làng thiếu-thốn và lờ mờ lắm.

Ta hãy đọc thử một ít những quyền tục lệ (coutumier) nhà nước đã bắt các làng biên chép ra rồi đưa quan trên duyệt y từ trước năm 1931-1932, ta không tìm thêm được điều gì để giải quyết vấn đề trên kia.

Hồi bấy giờ việc đặt ngôi thứ trong dân vẫn coi là chỉ có tính cách lễ-nghi, dân không bắt buộc phải nói đến và vì thế nhiều nơi đã không biên chép gì về vấn đề đó cả. Vả chăng công việc thảo tục lệ từ trước năm 1931-1932 chỉ là một việc dân đã làm đề hợp với hấn lệnh của quan trên chứ, những khoản lệ đã viết ra đó hầu hết là không có liên lạc gì với lệ văn thi hành ở thôn quê cả.

Còn như tục lệ truyền khẩu thì ta bằng cứ vào đâu mà nhất định được ? Những nhời khai báo của lý dịch bây giờ dễ sai nhầm lắm, vì họ thường chỉ nghe theo những từ lợi nhỏ của bè đảng hay của tư nhân chứ không cố ý nói đúng sự thực.

Ngoài ra, các tục lệ cổ còn lưu lại tới nay không đủ để giải quyết những điều khó khăn do hiện tình kinh tế và xã hội gây ra. Từ khi trực tiếp với văn minh Âu tây, ở tỉnh thành cũng như ở hương thôn ta đã thấy xuất hiện nhiều nhân vật mới nhiều địa vị mới mà trước kia không có ; một phần thượng lưu trí thức, một phần đông thanh niên tân tiến đã sống và tiến hóa ở ngoài cái khuôn khổ làng xóm bây giờ dùng cách nào để sắp đặt ổn thỏa được họ vào cái thứ bậc cổ ở thôn quê ?

Về dịp này tôi đã thấy người ta viện ra mấy đạo dụ cũ (Dụ 11 janvier 1936, 22 novembre 1937 và 24 avril 1938) nói về sự cấp phẩm hàm cho các viên chức nhà nước. Theo các đạo Dụ ấy, một viên thư ký tòa sứ hạng tám có thể được hàm

(1) Xem đạo dụ Thanh-nghị số tháng Aout 1941.

TÍNH CÁCH VĂN - CHƯƠNG VIỆT-NAM...⁽¹⁾

của ĐINH GIA-TRINH

(Tiếp theo)

Văn phẩm và nghệ thuật

Nói về văn phẩm, điều đáng đề ta chú ý tới trước hết là sự kém phong phú của văn-chương Việt-nam. So với các văn chương Âu-Tây thì tác-phẩm trong văn chương ta ít ỏi quá. Không có một tác-giả Việt-nam nào trước thời kỳ Âu-hóa có thể sánh được với Victor Hugo (ở văn chương Pháp) hoặc William Shakespeare (ở văn chương Anh) về phương diện kết tạo rồi rào. Bất cứ một văn sĩ đại danh nào ở Tây phương cũng sáng tác nhiều hơn những văn sĩ ở nước ta thuở xưa. Nguyễn-Du với truyện Thúy Kiều, với bộ Bắc hành thi tập, bả huyện Thanh-Quan với Nhân khanh thi tập, phỏng về lượng các tác phẩm có là gì ở bên cạnh Racine, Hugo, bà De Noailles? Nước ta trước thời kỳ Âu-hóa chỉ có các tiểu thuyết gia bằng thơ (không thể coi là những tiểu thuyết gia theo quan niệm mới được, vì thường thường tác giả dùng truyện bằng thơ chỉ để dãi một tâm sự của mình hoặc để diễn một tư-tưởng luân-lý), mà những nhà văn ấy có là gì, về phương diện kết tạo mãnh liệt bên cạnh Fielding (nước Anh) Balzac (nước Pháp) Dostoïedsky (nước Nga)? Lý do của sự kết tạo ít ỏi ấy chúng ta đã rõ: đời văn-chương không được quan-niệm là một nhiệm-vụ yêu quý (une vocation), nó thường chỉ được coi là một mục đích thứ hạng (un but de second ordre). Một nguyên nhân nữa ta phải tìm ở sự đã chia rẽ Đông-phương với Tây-phương: lòng ham yêu thiết tha bằng bột ở Âu-châu, và cái triết-lý và sự bình tĩnh giản dị ở Á-châu. Cũng một thứ nhựa sống dựng lên các lâu đài ở Hi-lạp, La-mã đã tạo nên những tác phẩm văn chương đồ sộ với đủ các trang hoàng mỹ thuật tinh vi và phiền phức, những bản đàn đầy dục vọng của Beethoven. Quay lại trông nước nhà, ta thấy những đình chùa khiêm tốn dưới bóng

tre và một nền văn chương cũng như không muốn quá hiển ngang, kiêu ngạo!

Một điều nhận xét thứ hai, là ở văn chương Việt-nam khi xưa, các loại văn (genres littéraires) cũng kém phong phú: không có tiểu thuyết bằng văn xuôi, ít kịch bản, thiếu khoa phê bình văn học, hiếm văn chương khoa-học, triết-lý và chính-trị. Trong mỗi tông loại, không có một thuyết lý nào làm căn bản cho sự phân chia ra các trường loại: ở loại ca kịch, hài kịch và bi kịch trộn lẫn với nhau như một sự dĩ nhiên mà không có một nhà thẩm mỹ nào khắc nghiệt nghĩ đến cách bắt bẻ cả. Trong loại thơ không có những phân tách rõ rệt về thuyết lý giữa anh hùng ca (épopée), thi ca đạo tình (poésie lyrique), thi ca trào phúng (poésie satirique). Luật thơ của ta chỉ định cách dùng tiếng, ghép vần, xếp đặt câu, nói tóm lại chỉ định luật về hình thức mà không đi tới sự phân chia các lối văn theo nội dung tinh thần của nó.

Loại phê bình văn chương có thể nói là thiếu hẳn. Giảng dẫn bằng nhiều lời, ca ngợi bằng những tiếng: « khéo thay! » « lắm lý vậy », mà chẳng qua tới một sự phân tích thành thực các tác phẩm thì quyết nhiên không phải là phê bình (faire de la critique), chỉ là bác luận, khen tặng (faire une exégèse, une apologie). Lý do điều ấy là ở lòng kính trọng tiền bối quá đáng ở nước ta khi xưa. Luận lý bắt ta phải trọng người sống trước ta, sự trọng nề ấy thường đưa tới sự trọng nề cả những sáng tác văn chương của người trước nữa.

Nếu ta xét đến nền văn chương Việt-nam thì ta cũng lại thấy nhiều tính cách đặc biệt.

(1) Xem Thanh Nghị số Juillet và Aout.

...TRU'Ó'C THÒ'I KỲ ÂU-HÓA

Trước hết ta phải chú ý tới một điểm quan trọng : sự phát triển rất yếu ớt của khoa học, tựa như không đáng kể. Vì vậy ở văn chương Việt-nam vắng những sức động của người ta trước vũ trụ bao la và trước những biến hóa kỳ ảo, thiên hình vạn trạng của thế-giới-thể-chất (những sức động của một Pascal trước vòm trời mà khoa-học đã cho biết là bao la vô cùng tận). Khoa-học cho nhà thi sĩ, nhà tư tưởng những rung động mới lạ ảnh hưởng tới cách lập luận ở triết-học, tới tín ngưỡng tôn-giáo. Luôn luôn triết học phải dựa vào khoa học, những tín ngưỡng tôn-giáo phải nâng cao trình độ lý-thuyết của nó lên để khỏi bị khoa-học đè bẹp dưới sự mĩa mai của lý-trí (mà khoa học đã làm cho đắc thắng và kiêu ngạo), và vì vậy triết học (triết học theo nghĩa rộng của nó, và triết học tôn giáo) dần dần phải bỏ tình cách giản ước, cở sơ của nó để đi tới những thuyết lý cầu kỳ, khéo léo hơn, mong làm hài những nhu cầu của trí thông hiểu người ta càng ngày càng trở nên khó tính.

Khi triết học bắt buộc phải lập luận không theo lý trí khoa học (*raison scientifique*) thì nó phải gắng sức giảng dẫn rằng lý trí của người ta bất lực và mù quáng ở ngoài phạm vi tìm xét của một vài khoa học thực nghiệm, và muốn hiểu những vấn đề siêu lý ta cần phải hỏi các khiếu khác của tâm hồn. Vì vậy đọc triết học Tây-phương, dù là một triết học khinh miệt lý trí, ta cũng vẫn thấy lý trí ta được hài lòng.

Khoa học ảnh hưởng đến triết học, rồi triết học lại ảnh hưởng đến văn chương. Một vài thí dụ ở văn học Pháp để làm hiện rõ sự liên lạc ấy : Những thuyết của Darwin về sinh vật học ảnh hưởng tới triết học của một nhà tư tưởng như Taine ; rồi triết học của Taine lại ảnh hưởng đến nghệ thuật của một văn sĩ như Zola. Bergson đã luôn luôn dựa vào những tài liệu của khoa học để xây dựng nền triết học cách mệnh của ông. Rồi triết học ấy ảnh hưởng đến văn chương của rất nhiều tiểu thuyết gia Pháp, thí dụ như tài nghệ Marcel Proust.

Ở nước ta, khoa học phát triển mạnh nên lý trí không được thượng, triết học không năng thay đổi, và văn chương chỉ quanh quẩn với mấy ý tưởng khuôn mẫu bất di dịch được xã hội thừa nhận đã lâu đời. Không có nhiều luồng gió quá khích làm hoạt động văn chương về phần tinh thần như ở các nước bên Thái-lây.

Khoa học đã không nảy nở thì tất nhiên nó cũng không cho văn chương tài liệu, như nó đã

đem tài liệu cho Buffon cho Wells, cho Leconte de Lisle, cho các nhà sử học Tây-phương.

Điều thứ hai đáng để ta chú ý là cái xã-hội Việt-nam, đóng kín khi xưa. Nước ta thuở trước chỉ biết có nước Tàu ở phía bắc, một số ít nước nhỏ lân cận, và tưởng tượng tới một xứ Tây-tạng xa xôi. Lối thông thương ít, du lịch ít, lòng tha thiết với quê hương mạnh cho nên ở văn chương thiếu màu sắc của những phương trời xa lạ. Những nhà văn ta khi xưa không ưa tả cảnh tỉ mỉ ; đến giờ mây sông núi nước tã cũng chỉ được ghi vẽ hồ đồ và sơ giản, còn nói chỉ đến cảnh trí nước ngoài ! Nhưng sự sinh hoạt bám chặt lấy đất nước ấy lại còn có một kết quả khác nữa : nhiều tình cảm mới mẻ, đặc biệt, gây nên bởi những cảnh sắc xa lạ vì đó thiếu vắng ở văn chương Việt-nam. Một buổi sáng ở vịnh Naples, một đêm giảng ở Tân-thế-giới, một buổi chiều bên những lâu đài cổ đã đổ nát ở Rome, ở Athènes, những cuộc viễn du ở bờ khơi chẳng phải là đã không ảnh hưởng tới tinh thần của những thi, văn sĩ như Lamartine, Chateaubriand, Loti. Những du lịch xa xôi đã đem lại cho văn chương nước Anh các tác phẩm của Somerset Maugham, của Rudyard Kipling.

Trong nền văn chương kém phát triển về hình thức ấy ta nhận thấy những tình cách cố hữu gì ? Ta đã có dịp nói qua rằng văn chương Việt-nam thiên về sự diễn hoặc ngụ những tư tưởng luân lý và sự tả những niềm riêng của một người. Nó đi vào trong tâm người ta nhiều hơn là nó vơ ấp lấy tạo vật. Tả tỉ mỉ một căn phòng, một sắc trời, một thân thể người như các nhà văn tả chân bên Tây-phương ? Không ! Ở văn thuật Việt-nam khi xưa không có chỗ cho tài nghệ của những nhà tiểu thuyết tựa Balzac dành một trang sách để tả cái mặt ngọc ngĩnh của một nhân vật trong truyện « Le cousin Pons » ; hoặc như Flaubert dẫn ta qua những bụi cây bên đường, dán mắt ta qua khe cỏ để cho ta mục kích mấy con nhện sôn sao chạy trên mặt nước lặng. Hơn một trang trong Balzac để tả thân thể của Eugénie Grandet, hai câu thơ nhỏ trong Nguyễn Du để vẽ hình dung của Kiều (Làn thu thủy, nét xuân sơn, Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh).

Xưa kia ở văn chương Pháp về thể-kỷ thứ 17, một đồ đệ của Descartes, ông Malebranche có nói một câu khinh miệt những khoa-học khảo tạo vật : « Người ta sinh ra đời không phải là để ngắm kỹ thân thể một con ruồi qua kính hiển-vi ». Ý ông nói người ta phải mang các nghị lực của tâm trí dùng vào sự tư tưởng các vấn-

đề luận lý và tôn giáo mà chẳng nên đem nó tiêu phí đi trong những sự tìm tòi « nhỏ nhặt » : Malebranche chỉ muốn mĩa mai những nhà bác học kinh trắng mà thôi, nhưng câu văn mát mẻ đó còn có thể mĩa mai cả các nghệ-sĩ tả chân nữa, vì nhiều khi họ cũng chăm chú nhìn những nét nhỏ tựa như con ruồi trong tạo hóa vậy.

Văn chương Việt-nam xưa chỉ ghi ở tạo vật những toàn thể, những đường lớn, những màu rộng rãi. Tôi còn nhớ tôi ý tưởng mà một bạn trẻ ưa bàn luận về nghệ thuật đã nói với tôi : « Ta hãy so sánh hai bức vẽ con ngựa của Tàu và của Tây ! Con ngựa ở bức tranh Tàu chỉ là những nét cong đơn sơ với vài cái bóng sơ sài. Con ngựa ở bức tranh Tây nét vẽ, màu đặt, tinh vi cần thận khiến ta trông rõ cả những bắp thịt nổi lên ». Ta còn có thể thêm vào sự nhận xét đó một nhận xét khác nữa : Một bức tượng Thánh hoặc Phật ở đình chùa ta thường chỉ phác họa hình thể một cách đại cương, không chú ý mấy đến điều ghi đúng sự tác động thực của các bộ phận thân thể, hoặc các dáng điệu hợp với luật sinh lý. Trái lại tượng Moïse của Michel Ange vừa là một ý tưởng, sự phát biểu của một tinh thần mãnh liệt, vừa là một thần thể cho ta thấy ở bắp thịt nổi, ở đôi tay cứng chắc, ở chân trái co lại trong điệu bộ một kẻ sắp đứng giây, tất cả sự dọa nạt thực hiện của một lực lượng phá hoại sẽ công phá ghê gớm nếu không có một ý chí gang thép kiềm chế lại.

Còn ngựa ở bức tranh Tàu đó là nghệ thuật của Đông-phương xưa. Thần tượng Moïse ở Rome đó là nghệ thuật của Tây-phương.

Vậy thì văn chương ta xưa chỉ ưa diễn tả những thực trạng của tâm hồn thôi ư ? Tất chẳng phải vì lẽ đó mà văn chương ấy nghèo. Ở Ấn-độ văn chương cũng đi vào thăm tâm hơn là ưa những sản tạn của ngoại vật, mà văn chương Ấn-độ có thể coi là giàu mạnh. Lòng ta, trí thức ta là một thế giới phức tạp gấp mấy thế-giới bên ngoài. Đi tới những cõi thăm sâu của tâm khảm người ta là đi tới những cái cao siêu vô cùng. Nhưng thực ra văn chương Việt-nam không phô bày hết cả lòng người ta, hết cả những sao suyến, những hoài vọng, những băn khoăn, và những diễn rõ của nó.

Trong văn chương ấy, vắng những băn khoăn siêu tỷ. Đạo của Khổng Phu-tử chuyên về luận lý và cố ý không muốn bàn luận thấu triệt những vấn đề huyền bí. Triết-lý của Khổng-giáo là một triết-lý nhân sinh. Đạo Phật đã giải quyết hộ người ta những vấn đề về linh hồn, về đấng chỉ linh, về ý nghĩa đời người. Trí thức

của người ta an tọa trên những lý thuyết ấy. Qua Kim Vân Kiều, qua Cung oán ngâm khúc, qua Quan Âm thị kinh vẫn chỉ có một triết-lý về đời người của Phật-giáo ban bố ra.

Trong văn chương Việt-nam vắng những phong ba của dục vọng điên rồ, những nỗi buồn khó hiểu và phiền phức như của René hoặc của Werther và họ hàng tinh thần của hai chàng đó. Những buồn, những dục vọng phạm tới luận lý chính thức đều không có quyền được biểu lộ ngang tàng trên văn chương. Tại người Đông-phương ta điềm tĩnh, sống ít sôi nổi hay tại những cấm đoán của luận lý ? Đó là cả một vấn đề lớn đang đợi sự tìm xét của những nhà triết-học. Ta chỉ nhận rằng văn chương tinh cảm lãng mạn rất hiếm ở nước ta thuở xưa. Bên Trung-hoa văn tình cảm có lẽ rồi rào hơn, chắc một phần do ở ảnh-hưởng của khí hậu. Ở tác giả Chinh phụ ngâm, ở Chu Mạnh Trinh, và có lẽ ở cả bà Thanh Quan nữa không phải là không có một chút tinh thần lãng mạn, nếu ta định nghĩa chữ lãng mạn là một trạng thái tâm hồn thiết tha hơn thường, dễ hòa với tạo vật, dễ buồn. Nhưng tinh thần lãng mạn ấy vẫn ở trong khuôn phép đạo đức, nó không quá rầm rộ. Không có thứ lãng mạn khốc lốc, thứ lãng mạn làm yếu mềm như một bệnh tật, và thứ lãng mạn trụy lạc như của Beaudelaire, trong những thời kỳ khủng hoảng. Phỏng một người lữ thứ trông chim bay mỗi trên ngàn mai buổi chiều hôm mà nhớ nhà, một người vợ xa chồng trông mây mà than thở thì có chi là phạm tội, có chi để cho những nhà luận lý phải rất mình e sợ ? Gần đây, dưới ảnh hưởng của văn chương Tây-phương, của một vài tiểu thuyết Tàu (tiểu thuyết Từ Trầm Á), và có lẽ của cả một vài sáng tác Việt-nam nữa, ta mới được biết rõ hết những thể phức tạp của nền văn lãng mạn.

Văn chương Việt-nam thiên về tình cách một « văn chương của trường hợp » (littérature de circonstance). Một trường hợp tâm lý, một trường hợp ngoại vật, và văn cảm bút viết. Ôn Như viết quyền, Cung oán, Nguyễn Du viết quyền Kim-vân-kiều, và đề tả một cách kín đáo chút tâm sự đau đớn của mình. Yên-đồ về già làm thơ cũng vì hoàn cảnh. . . Người ta có thể bỏ lại : văn chương tình cảm nào chả là một văn chương tạo nên bởi trường hợp ? Goethe đã viết : « Bài thơ tuyệt tác nào cũng tạo nên do một trường hợp ». Nhưng ta muốn nói ở nước ta, vì công cuộc sáng tác văn chương không được theo đuổi hằng hải như một mục đích có

giá trị riêng của nó, nên văn chương sản xuất ra phần nhiều do ở trường hợp riêng cả. Vì thế ít văn chương khảo luận, ít văn tả chân, vì những thứ văn chương này thường không dựa theo trường hợp, nó phải được kết tạo do ở sự cần cù làm việc cho nghệ thuật, trong một thời gian giải, với một ý định rõ rệt, chứ không do ở sự bông bột, sự thôn thức, sự hờn giận trong chốc lát. Văn khảo luận của ta phần nhiều chỉ thấy ở những bài văn sách, kinh nghĩa, nói tóm lại ở một thứ văn chương khoa cử thiếu tinh thần khoáng đạt, thực thà và tự do.

Những niềm riêng diễn ra ở văn chương thường là những tình tình tuy nhiều khi chán nản chua cay nhưng không bao giờ đi tới quá khích trong vui, buồn, hoặc phẫn nộ. Cái khung chật hẹp 8 câu thất ngôn của một bài thơ Đường luật không bị xô gãy bởi một thi tứ quá rời rạc và mạnh. Tới gần đây các bậc tiền bối ta vẫn không nhận thấy sự cần phải nói rộng biên giới của các bài thơ khuôn khổ chật hẹp. Phong trào thơ mới có thể coi là sự tảo bạo của tình cảm người ta đòi lại quyền tự do bành trướng của nó.

Sau hết về vấn đề văn chương với xã-hội, ta nhận rằng ngọn bút lông khi xưa ít khi là một lưỡi gươm sắc. Quyền tự do ngôn luận không được công nhận ở một xã hội quân chủ độc đoán. Văn chương phải trọng nề chính trị; văn chương lại còn phải trọng nề cả các bậc « thánh » về tư tưởng nữa. Người Tây-phương bắt đầu từ thế kỷ thứ 16 đã tìm cách ra khỏi vòng nô lệ những tư tưởng của Aristote. Bóng lớn của Khổng Phu-tử còn phủ cả trời Á-đông đến gần thời đại hiện kim.

Xét tới cách sinh hoạt của dân chúng thì ta thấy ở xã-hội Việt-nam xưa những dịp để sống công cộng rất hiếm. Người ta thường nhận rằng nước nào có nhiều thành thị đông đúc thì có nhiều tổ chức cách sống công cộng. Xã-hội ta không biết tới sự hùn nhát của kỹ nghệ, không có đô thị lớn, dân g...n nhiều không giàu lắm, chỉ chuyên ngh... nên không quen sống ở những cuộc hội... lớn, trong những cơ quan công. Vì vậy cho nên ta không thấy nảy nở loại văn diễn thuyết, loại văn bay bướm của các van sĩ đi lại các cuộc hội họp văn-

chương (salons littéraires). Loại ca kịch hầu như không có ngoài mấy bản tuồng và chèo mới sản xuất gần đây mà giá trị nghệ thuật có thể nói là không đáng kể đến. (Ta lại nên chú ý đến sự khi xưa nghề xướng ca rất bị khinh rẻ).

■

Trên đây chúng ta đã bàn luận sơ lược về tình cách của văn chương Việt-nam trước thời kỳ Âu-hóa. Chúng ta đã đem gáy lên một ít vấn đề khảo cứu. Những nhà học giả yêu văn chương sẽ đem ánh sáng rọi vào những điểm đó, và chúng ta cũng sẽ có dịp bàn tới những vấn đề ấy một cách rộng rãi và sâu xa hơn nữa.

Văn chương Việt-nam xưa biểu hiệu cho tình thần của một Á-đông chưa đem đời sống của nó hòa nhịp với đời sống của Tây-phương và của hoàn cầu. Trong khoảng non một thế kỷ nay, trong sự sống chung với người Pháp, chúng ta đã hưởng thụ nhiều cái mới lạ của văn minh Âu-châu. Những thói cũ ở văn nghệ, ở triết học đối với chúng ta không có một giá trị tuyệt đối như xưa nữa. Chúng ta đã ra khỏi căn nhà nhỏ của ta để ý nhìn những miền trời xa rộng, và do những điều trông thấy, cảm thấy, chúng ta đã đổi một ít phương châm xét đoán các giá trị tư tưởng và nghệ thuật của nước nhà.

Sự cách mệnh tinh thần ấy đã làm nảy nở ra một nền văn chương mới ở đầu thế kỷ thứ 20 này. Phải cần một bài khảo luận kỹ lưỡng mới cho ta biết được những xu hướng của nền văn chương ấy và giá trị của nó.

ĐINH GIA-TRINH

Kỳ sau : một vấn đề cũ xét theo một phương diện mới :

TRÁCH-NHIỆM CỦA CÁC VĂN SĨ VÀ NGHỆ SĨ.

Cải chính

Ở bài « Đọc cuốn Đại-Việt văn học lịch sử » kỳ trước :

Trang 11 cột 2 giòng 45 : « lúc ta ra đời ». Xin đọc là : « lúc ta cho ra đời ».

Trang 12 cột 1 giòng 5, xin đọc là :

Tác giả đã tả sự biến chuyển của tiếng nói ra tiếng viết của nước ta qua lịch sử, rồi khảo xét sơ qua các thời đại văn chương ; tác giả đã dùng một lối giải quyết giản dị : những thời kỳ ấy ăn nhập với các thời đại lịch sử chính trị...

Thông hiểu sự vật

và tư tưởng...

THANH-NIÊN TA CẦN CÓ MỘT NỀN THỂ-THAO TẬP-QUẦN

của N. N. KONTUM

TINH-thần thể-dục đã ăn sâu vào quốc-dân ta rồi.

Bây giờ không phải là thời-kỳ cổ-động thể-dục nữa; mà cũng đã hết cái thời-kỳ bài-bỏ rồi. Toàn-thể quốc-dân ta đã hiểu cái không hợp thời của các học-sinh dài lưng và ngực lép; mà thanh-niên ta cũng đã hiểu cái hại của nền thể-thao sai nghĩa chỉ xu-hướng về kỹ-lục và quán-quần.

Nói tóm lại, cả phụ-huynh lẫn thiếu-niên đã nhận rõ cái quan-hệ đối với xã-hội của vấn-đề thể-dục, biết rằng thể-dục là một môn cốt-yếu trong chương-trình giáo-dục quốc-dân, cần phải đi đôi với việc rèn đúc tinh-thần, để bổ ích lẫn nhau. Vậy thì vấn-đề thể-dục không thể giải-quyết bằng cách đứng về phương-diện cá-nhân nữa, mà cần phải đứng một phương-diện toàn-thể. Nay đã đến thời-kỳ chúng ta phải chú-ý đến một môn thể-dục tập-quần.

Những ý-kiến tôi sắp giải bày sau này, không phải toàn là ý-kiến riêng của tôi; mà một phần là ý-kiến của thanh-niên học-sinh mà tôi đã thu nhặt được trong hơn một năm trực-tiếp học-sinh trường Trung-Học Bảo-hộ, hoặc trong lúc chuyển-trở thân-mật, hoặc trong khi sánh vai cùng họ trên những con đường tươi-sáng. Có lẽ vì vậy, những tư-tưởng không khỏi còn hỗn-độn, tôi nêu lên đây, không phải có ý muốn khuyên dạy ai, mà cốt để lên tiếng, mong rằng ai có ý kiến gì hay cũng bày tỏ ra, cho rộng đường suy-xét đề sau này mong ngày thực-hành hoàn hảo.

I

Ngày trước, lúc trường Tây-học mới mở, mà Nho-học đang còn nhiều người theo, phải Nho-học đã lắm lúc công-kích Tây-học bảo rằng các trường mới không chú-ý đến giáo-dục con em để chúng tự-đo quá thành hư-hỏng,

KIỂM DUYỆT BỎ 10 GIỜ

Như vậy đủ biết nền luân-lý dạy ở trường

không thể gọi là một nền giáo-dục chắc-chắn cho thiếu-niên đến học ở trường được. Học-sinh không biết trọng giờ học luân-lý, thầy lại chẳng mấy khi gắng sức làm cho học-sinh phải trọng môn học ấy, thật là học-trò như vậy không chút gì có thể gọi là có giáo-dục ở học-đường.

Chúng tôi thiết tưởng sở-dĩ chương-trình Tân-học khuyết-diêm về giáo-dục như thế, một phần lớn vì đã quá trông theo chương-trình ở bên Pháp. Mà bên ấy thì giáo-dục đã có nền giáo-dục rất vững chãi của các tôn-giáo, nếu không thêm một nền giáo-dục ở gia-đình, cũng chặt-chẽ hơn.

Biết khuyết-diêm của nền giáo-dục ở trường như thế, nay mong bồi bổ, chúng tôi thiết tưởng rất không nên câu ghép thêm một chương-trình luân-lý dôi-dào hơn vào chương-trình đã quá nặng-nề cho tinh-thần trẻ em. Mà chúng tôi rất mong cuộc giáo-dục tương-lai sẽ nhờ cách tổ-chức thể-dục để làm môi-giới. Ý-tưởng ấy cũng chẳng mới-mẻ gì: Từ lâu nay các nước như Anh, Đức, Ý đã từng lấy thể-dục làm trụ cho cuộc cải-tạo tinh-thần quốc-dân.

Ở nước Anh, nhờ mấy thế-kỷ chuộng thể-thao, nhờ chương-trình các trường lớn đều biết trọng thể-thao có tổ-chức, mà người Anh bây giờ, bất kỳ ở trường-hợp nào của cuộc sinh-hoạt, cũng đem phổ trương một tinh-thần rất thể-thao: biết chiến-đấu cho đến cùng, lúc nào cũng hiểu thắng, nhưng không vì sự thất-bại mà nản hoặc căm-hờn, chỉ cố lấy sự thất-bại làm học đích-đáng và gắng cho bài học ấy gọi phải vô-hiệu.

Ở Đức và Ý, cũng nhờ phương-sách phổ-trương thể-dục trẻ con, từ lúc mới đi học cho đến trưởng-thành mà ngày nay thanh-niên mấy nước ấy đều một loạt biết làm dân theo ý muốn của nhà cầm quyền. Biết như thế thì nền giáo-dục quốc-dân hệ-trọng đến đâu; mà giáo-dục lấy thể-dục làm môi-giới cũng vì vậy sẽ là một chính-sách quan-trọng.

Vậy thì xứ ta, nay cần có một thể-hệ thanh-

niên hợp thời, cần có một nền giáo-dục chắc-chắn, để bồi-bổ những khuyết-diểm đã làm cho dân ta suy-nhuộc, nước ta kém hèn.

Khuyết-diểm ấy toàn là khuyết-diểm của nền giáo-dục cũ. Đây chúng tôi không muốn phê-bình hay kết tội xã-hội của ông cha ngày trước, chúng tôi chỉ muốn chỉ-trích những cái tệ mà đến nay chúng tôi còn mắt thấy tai nghe, những cái tệ nó không còn hợp-thời tỳ nào cả, tuy rằng chẳng đời nào một cái tệ mà có thể hợp-thời được.

Mà tệ nhất trong nền giáo-dục hiện nay tôi tưởng có thể tóm trong hai tiếng: Ích-kỷ và Ý-lại.

Ích-kỷ, nền giáo-dục cũ chỉ biết khuyên đưa trẻ lấy thân mình, gia-đình mình làm đích: ngày xưa bảo con học để đỗ-đạt làm quan, cho vinh thân, cho phỉ gia; thì ngày nay bảo con học để cho khôn hơn người dè nèn người dè lấy cái lợi về mình. Không mấy khi chúng tôi được nghe một bậc cha mẹ răn con tập làm người, làm dân, cho xứng đáng với xã-hội, với quốc-gia.

KIỂM DUYỆT BỎ 4 GIỜ

Ích-kỷ cho đến nỗi chỉ biết nghĩ đến lợi của mình, mà không bận đến hại của người, dù rằng thấy lợi cho mình nhỏ mà hại cho người lớn, cũng không ngần-ngại gì mà theo đuổi cái lợi mình, mặc cho người thiệt thòi. Đến nước ấy thì còn nói gì chuyện hy-sinh cho xã-hội-với quần-chúng. Chính cái tiếng hy-sinh đẹp-đẽ kia cũng đã bao lần đem nhem-nhọ nó mà ghép vào những tiếng như hy-sinh cho tình-yêu, hy-sinh cho danh-vọng. Thật là mỉa-mai.

Biết kiếm lợi riêng bỏ lợi chung, biết tự-vệ thân-thể mình khỏi người ngoài xâm-phạm, thế mà oái-oăm thế nào lại tính ý-lại. Nhỏ thì ý-lại cha mẹ anh em, cho đến khi trưởng-thành ý-lại vào xã-hội, tính rằng xã-hội thế nào cũng sẽ dành cho mình một chức-nghiệp « xứng đáng với tài mình ». Đó tưởng cũng chỉ là một vết-tích còn lại của cái học làm quan lúc trước, cứ tưởng rằng mình cứ yên-tâm học, và yên-tâm đợi rồi thế nào xã-hội cũng phải kiếm cách dùng mình. Không mấy khi nghĩ rằng mình có thể tự-lập được.

Kém tinh-thần độc-lập, thiếu óc sáng-kiến, thanh niên ta đã thiếu hết tư-cách đề chủ-

trương việc lớn, rất ít kẻ đủ quyền-lực, thích trọng-trách, ưa hoạt-động để làm những người dẫn đường chỉ lối, đảm đang những công việc chỉ-huy cho quần-chúng. Vì đấy mà quốc-dân nhu-nhuộc,

KIỂM DUYỆT BỎ 4 GIỜ

III

Cho nên nghĩ đến cuộc giáo-dục cải-tạo thanh-niên ta, chúng ta phải mong làm sao gây nên được một thể-hệ thanh-niên cường-tráng, chuộng phần-dấu, ưa hoạt-động, trọng độc-lập và biết bỏ những tư-tưởng ích-kỷ mà nghĩ đến quần-chúng, hy-sinh những cái vui-thú nhỏ-nhen mà tìm khoái-lạc trong cuộc mưu ích chung. Nói tóm lại, ta đã quá sống cuộc đời riêng, trong gia-đình, trong họ-hàng. Nay phải cần tập sống ngoài xã-hội, sống với đồng-loại, lấy ý-muốn của số đông làm kỷ-luật, biết nghiêm-khắc với mình như nghiêm-khắc với người để theo kỷ-cương trật-tự mình đã gây nên.

Những đức-tính ấy chúng tôi tưởng không có cách gì rèn tập mau chóng và chắc-chắn bằng các cuộc thể-thao quần-tập, tổ-chức hân-hoi, hiệu-lệnh nghiêm-khắc.

Tổ-chức những cuộc thể-thao như vậy, chỉ có các trường mới làm được, vì tính-cách của nó là phải đông, càng đông chừng nào càng hay. Như thế cậu thanh-niên sẽ quen cuộc đời sống chung với bạn đồng-niên, sẽ bớt được những tư-tưởng cá-nhân, mà thêm những tư-tưởng quần-chúng.

Về phần thể-dục thì tùy sở-thích của từng người, sẽ chia làm nhiều đội: đội bơi-lội, đội bóng tròn chẳng hạn. Nhưng cốt-ý sẽ không phải là để luyện-tập các môn ấy, mà sẽ là để tổ-chức những cuộc sống chung. Còn các môn ấy chỉ là những cách tiêu-khiển của cuộc đời sống chung mà thôi, và sẽ đề vào những thì giờ nhất-định.

Cuộc sống chung nói đây, sẽ có thể là những cuộc đi về nhà-quê, hoặc đi viếng cảnh ở bẽ, ở núi, trong những ngày chủ-nhật, ngày nghỉ lễ hoặc những kỳ nghỉ hè. Cuộc sống chung ấy càng giải bao nhiêu càng hay. Cố nhiên là lúc đầu phải ngăn ngắn, từ một hai ngày cho đến ba bốn ngày. Về sau kéo dài lần, cho đến 15 ngày một tháng.

(Xem tiếp trang 14)

CHOI họ có thể nói là hội hợp một số người quen biết để góp tiền cho vay lẫn nhau. Nhà cái lúc trông họ cho nhà con, sẽ coi như một người chủ nợ cho vay một số tiền.

Lý thuyết kể trên tuy đơn giản nhưng cũng được tòa Hòa Giải Hà-nội công nhận. Ấn ngày 18 Mars 1940; vụ Phạm thị Nương kiện Trần phương Thuận.

Nguyên đơn chống án lên tòa Sơ-Thẩm Hà-nội. Ngày 5-10-1940, tòa Sơ Thẩm bác bản án kể trên và xử rằng chơi họ là một sự góp tiền có tính cách riêng, không vi với vay mượn được. Chơi họ có nghĩa là lập một nhà băng nhỏ để cho vay lẫn nhau. Ngoài ra, nhà cái lại còn có trách nhiệm bảo đảm cho các nhà con về sự thua thiệt, nếu một người mua họ không góp nữa.

Vì các nhẽ kể trên, nên lúc trông họ không cần phải kiểm tiền trước mặt ông Chủ Sự Trước Bạ Văn tự họ hay « giấy mua họ » không có chữ duyệt cũng vẫn có giá trị.

Nếu xem kỹ thì lập án tòa Sơ Thẩm Hà-nội không có gì lạ. Ngày 24 Mai 1933, phòng nhì tòa Thượng Thẩm đã xử rằng nhà cái không phải là chủ nợ của nhà con (Xem Recueil Jurisprudence tonkinoise trang 375). Nhưng bản án ấy nhờ nhẽ không được rõ lắm. Mãi đến bản án tòa Sơ Thẩm ngày 5 Octobre 1940 thì vấn đề « cầm họ với cho vay có khác nhau không » mới nhất định giải quyết.

Đây là nói cầm họ thật. Còn lỗi cho vay góp họ, chủ nợ bắt người đi vay ký giấy giả mạo mua một bát họ, thì lẽ tất nhiên là một cuộc cho vay thường. Phải kiểm tiền trước nhân viên kiểm soát và lấy chữ duyệt (visa). Nếu không thì văn tự vô giá trị.

Nên nói qua rằng cầm họ ở Bắc-kỳ phải lấy môn bài tự năm 1939.

Nguyên thuế môn bài do nghị-định Thống Sứ ngày 19-12-1934 ấn định. Bảng B kê các nghề nghiệp chịu môn bài không nói đến cầm họ. Nhưng theo nghị-định Thống-sứ ngày 25 Mai 1939 (quan Báo 1939 trang 2948 đến 2955) sửa đổi lại, thì bảng B ấy có nói đến cầm họ ở Hà-nội hay Hải-phòng, phải chịu thuế từ 6p. 50 đến 110p., ở các thành thị khác, từ 3p. đến 110p. ở thôn quê, từ 3p. đến 110p.

Các thuế đó vừa tăng lên theo nghị-định Thống-Sứ ngày 15 Janvier 1941 (quan Báo 1941, trang 737 đến 750). Môn bài ở Hà-nội và Hải-phòng, từ 8p. tới

120p., ở các thành thị khác và thôn quê, từ 3p. đến 120p.

Tuy phải chịu thuế, nhưng cầm họ ở Bắc-kỳ chưa có điều luật gì chỉnh đốn lại.

Về phương diện ấy, xứ Trung-kỳ đã tiến bộ hơn bởi đạo Dụ ngày 31 Janvier 1940 (Bulletin Administratif Annam 1940 trang 534 tới 537). Đạo Dụ ấy nói về các thẻ thực việc cầm họ góp họ, hay chơi họ.

Chơi hay góp họ chia làm hai hạng :

1) Chơi họ trong làng, cả nhà cái nhà con không quá 24 người và tiền thu đồng niên không quá 200p., sẽ được miễn không phải xin phép trước, nhưng biến bản hợp họ phải đưa quan cai trị duyệt.

2) Chơi họ ngoài các điều kiện kể trên phải xin phép trước, giấy phép sẽ do quan Thượng-bộ Kinh - tế cho, sau khi hỏi ý-kiến Bộ Xã-Dân Kinh-tế và được quan Khâm-sứ bằng lòng.

Nhà cái phải giữ một quyển sổ họ trong có biến bản hợp họ và các điều quy

tắc và một quyển biến lai có cuống (carnet de recepissés à souche). Lúc nào các viên chức cai trị và tư pháp cũng có thể đòi xem các quyển sổ ấy được.

Nhà cái, theo điều thứ bảy đạo Dụ, có trách nhiệm coi sóc công việc cho được hoàn hảo. Nếu một vài nhà con thiếu, nhà cái phải bù vào.

Cầm họ nếu phải xin phép mà không xin sẽ ghép tội bội tín. Nhà cái nếu không làm đủ bổn phận cũng bị ghép tội bội-tín. Không giữ sổ sách, sẽ bị phạt theo điều 362 Luật Hình.

Đạo Dụ thi hành với cả các cuộc cầm họ đã có ngày Dụ ban hành. Nhưng nhà cái nhà con được hạn một năm, để theo luật mới.

Kết luận. — Đọc các đạo sắc lệnh và nghị định về việc cho vay ta có cái từ năm 1934, Chính-phủ đã sẵn sóc tới cái quan trọng ấy để trừ đỡ hại cho dân.

Nhưng kết-quả, xem chưa được mỹ-mãn,

Một phần chủ nợ đã khôn ngoan tránh khỏi các sự hạn chế và trừng phạt. Nhưng đó mới là cái hại nhỏ. Hại to là ở chỗ người Nam mình ngại ra trước công chức và lại thấy số lãi nhà nước ấn định ít quá, nên sự vay mượn thành ra khó khăn và nền kinh-tế cả nước cũng vì thế mà bị thiệt. Mấy

(Xem tiếp trang 14)

CHO VAY LÃI VÀ CẦM HỌ

TRƯỚC PHÁP LUẬT

(Tiếp theo kỳ tháng Juillet)

của Đ. X. S.

Thanh niên ta cần có một nền thể-thao...

(Tiếp theo trang 12)

Trong lúc sống chung ấy, bao nhiêu công việc phải chia nhau mà làm, và phân ra từng đoàn tùy ý mình lựa chọn, trong các đoàn có người đoàn-trưởng mình bầu lấy. Tổ-chức một cuộc đi chơi đâu, thì chia ra từng ban bàn-định rõ-rệt các công-việc phải làm, rồi chia việc cho các đoàn. Đoàn nào đã lĩnh một việc tức là nhận một trách-nhiệm, lúc nào cũng phải nhớ rằng mình là một phần-tử của toàn-thể, phận-sự mình không làm hết tức là cả toàn-thể phải thiệt-hại, mà chính mình cũng chịu chung. Đoàn-trưởng sẽ là người có đủ quyền-lực để sai-khiến và nhắc-nhủ người trong đoàn, thừa ớc sáng-kiến, ưa hoạt-động, ham việc làm, đủ tư-cách đứng làm gương cho các anh em trong đoàn. Cổ nhiên là dần dần hết thấy anh em trong đoàn ai cũng phải luyện-tập để có thể thay người đoàn-trưởng. Lúc ấy thì sẽ cắt phiên từng người đứng làm trưởng-đoàn từng lúc, để họ luyện-tập tinh-thần, lúc cai-quản, lúc noi-theo, lúc nào cũng một lòng làm hết phận-sự, biết trọng kỷ-luật, tuân hiệu-lệnh, để ích-chung trên hết thấy ý-muốn riêng, hoặc lòng tự-ái hão.

Nói tóm lại, muốn cho thanh-niên sau này biết sống ở xã-hội, chúng ta bắt họ sống ở một xã-hội nhỏ hơn, nhưng thuần-túy hơn; vì được tổ-chức một cách rõ-rệt để họ trông thấy hết thấy cơ-quan và biết rõ trách-nhiệm của từng người. Hết ích-kỷ vì sẽ thấy mình không thể sống riêng một mình mà không cần đến người khác được. Hết ý-lại vì ai cũng có phận-sự riêng, từ người trên cho đến người dưới, mà phận-sự mình thì chỉ mình biết, không thể mong vào ai chỉ-bày, hoặc dùm-giúp.

Công việc khó-khăn, nhiều chỗ khuyết-diêm phải đợi tổ-chức rồi mới biết được, chúng tôi rất mong có nhiều người ra tay bắt đầu

... Thu - nhật tài - liệu để giúp vào sự giải-quyết những vấn-đề quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt của dân-tộc Việt-Nam...

làm việc ngay từ bây giờ. Việc ấy rất có thể làm được, mà những người sẵn-sàng địa-vị phải làm là các ông giáo. Nên đứng đảm-đang đề cho con em noi gương. Mà cũng là một phương-pháp hay để chính các ông tự-luyện lấy những đức-tính tốt đẹp kia. Cũng trong hàng giáo-giới, tôi đã được dịp tự xét lấy mình hoặc xem-xét chung-quanh tôi. Tôi không ngần-ngại gì mà nói rằng những cái tệ kể trên đã kéo dài lâu lắm, chớ không phải riêng gì thể-hệ sắp lớn lên mà thôi.

NGUYỄN-NHƯ KONTUM

Trong bài « Máy chạy bằng khí-than » đăng kỳ báo trước, vì sót một đoạn, nên đọc khó hiểu: trang 15 cột hai, giòng 15 kẻ từ dưới lên, xin chưa thêm như sau này:

... pic-tông về chỗ cũ. Thực ra, sức khi nóng đầy pic-tông rất mạnh mà sức bánh xe đẩy pic-tông về chỗ cũ rất nhỏ. Vậy thì còn thừa...

N. N. K.

CHO VAY LÃI VÀ CẦM HỌ...

(Tiếp theo trang 13)

năm trước, muốn mở một cửa hàng, hoặc mua trâu bò cày bừa, có thể tìm được tiền bằng một giá lãi đắt. Bảy giờ, lãi không đắt, nhưng vay mượn không được nữa!

Chúng tôi không dám tự hào tìm được phương pháp gì mới. Nhưng có điều làm thường, ai cũng đồng ý, là Chính-phủ nên bớt sự hạn chế về tiền lãi. 8 phần lãi một năm đối với một xứ nghèo, tiền lưu thông rất ít, là một sự vô lý. Ta phải trở lại sắc lệnh 15 Mai 1914, nghĩa là định lãi quốc lệ 8 phần trăm và lãi hai bên thỏa thuận 12 phần trăm tức 1 phần 1 tháng.

Một điều nữa, là đặt ra những cơ quan cho vay rẻ lãi để cạnh tranh và làm tiêu diệt sự vay nặng lãi. Đặt Nóng Phổ Ngân Hàng mới là một bước đầu. Cần phải mở trong mỗi làng hay mỗi tổng những nhà băng bình dân, theo kiểu nhà banque Schullze hoặc Raiffaisen bên Âu-châu, và nhất là phải bênh vực, mở mang sự cầm họ. Đạo Dụ ngày 31 Janvier 1940 sửa đổi một chút, có thể đem thi hành ở Bắc-kỳ được.

Ngày nào việc cầm họ, chơi họ thịnh hành, các nhà con không lo mất của mình và chắc chắn đã để dành một món tiền khi cần dùng lấy ra được, thì ngày ấy nền kinh-lễ xứ này đã bớt được một vài điều khó khăn.

D. X. S.

Vấn-đề ngôi thứ ở trong làng...

(Tiếp theo trang 6)

tùng cử phẩm (hàn lâm viện đãi chiếu), một viên tham tá hạng năm có thể được hàm tùng lục phẩm (hàn-lâm viện tu-soạn); một viên tri huyện hạng ba cũng được tòng lục phẩm v. v. rồi cứ lên một bậc thì lại thăng một trật, tốt bậc thì thư ký có thể lên tới tòng tứ phẩm (Thị giảng học sĩ); tham tá tới tòng tam phẩm (quang-lộc tự-khanh) còn trong quan-trường thì có thể lên tới nhất nhị phẩm v. v.

Nghị-định ấy chỉ thi hành cho người làm việc nhà nước. Tuy vậy, muốn định ngôi thứ của họ trong cái trật tự mới ở hương thôn, người ta đã có khi nghĩ đến sự gán cho mỗi người một phẩm tương đương với chức phận của họ: ông này thư ký hạng ba thì được coi như là có chánh bát phẩm; ông này tham-tá ngoại hạng hạng nhất về hưu thì được coi như là có tòng tam phẩm vân vân.

Nhưng ta sẽ bằng cứ vào đâu mà định ngôi thứ cho những người kinh doanh ở ngoài các công sở: những nhà kỹ nghệ thương-mại canh-nông to hay những người làm các nghề tự-do (bác sĩ kỹ sư, dạy học tư v. v.) Tôi chắc không ai bảo rằng đó là những phần tử không hay nhất của xã hội sau này.

Nếu chỉ bằng cứ vào những bản nghị định đặt quan chế và phẩm hàm thì sau đây đứng đầu các hội đồng quản trị hàng xã chỉ còn các viên chức nhà nước mà nhất là các viên chức đã mệt mỏi, đã về hưu vì chỉ có những người sau đó thì mới lần bước lên tới bậc cao trọng quan chế.

Tôi chắc cái kết-quả ấy chẳng lợi gì cho dân quê và chính nhà làm luật khi thảo đạo dụ 23 mai 1941 cũng không ước mong gì như thế.

Trong một chế độ căn cứ vào uy quyền, sự chọn người là một vấn-đề rất quan-trọng.

Ta không thể giao sự chọn lọc ấy cho dân quê vì quần-chúng dễ bị lung lạc bằng những mối tư lợi nhỏ những nhời nói khéo hay những điều hứa hẹn hão huyền. Trái lại sự chọn lọc «tự động» (choix automatique) theo một quy lệ định sẵn cũng dễ; vì không dựa theo từng trường hợp riêng.

Vậy những điều kiện đặt trong điều thứ ba dụ 23 Mai 1941 (phẩm hàm, bằng cấp, chức tước v.v.) chỉ nên coi là những điều kiện cần và đủ để được dự bàn đến công việc hàng xã.

Nhưng trong những người có quyền tranh-luận ấy, người đáng nhận chủ tịch hội đồng không nên nhất định rằng là nhiều bằng-cấp chức cao hay nhiều tuổi nhất. Người ấy phải là người ưa hoạt-

động, có tài-năng và có công-lâm. Nhà chức-trách phải nhận cái nhiệm-vụ chọn người do : giao việc ấy cho các thuộc-quan không được mà nếu giao cho các viên-chức cao-cấp hơn cũng cần phải có một sự kiểm-soát khắt-khe và tiếp-tục của chính-phủ. Vì đây thật là lúc ta nên nhắc lại câu : người hay thì chế-độ hay, người dở thì chế-độ dở.

Trong mỗi xã, những người có địa-vị cao vẫn được dân trọng-vì đáng với địa-vị của họ ; họ vẫn giữ cái danh-từ tiên-thứ chỉ hay danh-từ nào khác tùy tục-lệ từng nơi. Ta chỉ nên dừng về phương-diện cai-trị, mà về phương-diện này thì những người có địa-vị cao đó vẫn được trực-tiếp chính-thức với công việc hàng xã vì họ có chân trong hội-đồng kỳ-hiêu rồi. Nếu họ có thi-giờ, còn lòng hăng-hái để sẵn sóc đến việc ích-chung thì họ có quyền được chọn làm chánh-phó hội-đồng trước những người khác. Trong trường hợp ấy thì mới nên hợp nhất uy-quyền về tinh thần và quyền-hành về cai-trị ; chỉ có trong trường hợp ấy thì oai-quyền tài-học và kinh-nghiem của các viên tiên-thứ chỉ mới dùng để phụng-sự một công-cuộc chung.

Trái lại, nếu nhất-định tiên-thứ chỉ là chánh phó hội-đồng, hay chánh-phó hội-đồng tức là tiên thứ chỉ thì sẽ có nhiều người, vì muốn giữ lấy danh-vọng của họ, có nhận lấy nhiệm-vụ mà rồi đây họ không có thi-giờ hay không có lòng hăng-hái mà làm cho đầy đủ. Sự trừng-phạt vì trễ-nải rồi nhiều khi sẽ khó khăn, vì nó sẽ nhằm những người có địa-vị cao, có oai-quyền nhất trong hương-thôn.

Nói tóm lại, vấn-đề ngôi-thứ trong làng xóm là một vấn-đề thuộc về nghi-lễ (rituel) nên đề mặc cho tục-lệ từng nơi tự giải-quyết lấy ; không nên cho nó thành một vấn-đề cai-trị mà, vì thế, gây nên một cuộc tranh-luận, vừa vô cùng vừa vô ích, mà lại ra ngoài ý-nghĩa đạo dụ 23 Mai 1941. Ý-nghĩa ấy là cất quyền ở tay những kẻ chỉ coi chức chánh-phó hương-hội là một thứ danh-vọng mà giao cho những người biết dùng địa-vị ấy một cách thiết-thực và ích lợi cho dân quê hơn.

TÂN-PHONG

Kính cao các bạn đọc

Vì các vật-liệu lên giá một cách quá đáng, chúng tôi buộc lòng bắt đầu từ kỳ này phải rút sô trang từ 36 xuống 32 trang — Mong các bạn đọc đã có lòng yêu ủng hộ chúng tôi hiểu rõ tình thế đó mà lượng thứ cho.

Tuy số trang có rút, song chúng tôi sẽ cố gắng thu xếp in chữ nhỏ bỏ bớt quảng cáo để bài vở vẫn được dồi dào như trước.

THANH-NHỊ

Giáo-dục ở ba nước độc-tài

Ở ba nước Pháp, Anh và Mỹ (1), giáo-dục tôn-trọng quyền cá-nhân, nên mục-dịch là làm phát-triển tất cả những tài-năng và giải-phóng tư-tưởng của cá-nhân. Đó là nền giáo-dục nhân-bản và tự-do.

Trái lại ở ba nước Ý, Đức và Nga, cá nhân bị thủ-tiêu trong đoàn-thể và chỉ là một lợi-khí của một chế-độ. Chính-phủ dùng quyền độc-đoán huấn luyện thanh-niên thành những bầy tôi trung thành.

Đó là nền giáo-dục chuyên-chế, nền giáo-dục của một chính-thể, của một chính-đảng, một chủ-nghĩa: chủ-nghĩa quốc-gia và đảng phát-xít ở nước Ý, chủ-nghĩa chủ-ng-loại và đảng quốc-xã ở nước Đức, chủ-nghĩa cộng-sản và đảng đệ tam quốc-tế ở nước Nga.

I. — Ở NƯỚC Ý

THỦ-tướng Mussolini đã tuyên-bố ở một buổi hội-hợp các giáo-sư: « Tư-tưởng phát-xít làm căn-bản cho việc dạy-dỗ không bao giờ sợ sự giáo-hóa quá thiên về tư-tưởng ấy.

Trong việc giáo-dục, dù theo chủ-nghĩa phát-xít đến bậc nào cũng vẫn chưa đủ ».

Các giáo-viên và các giáo-sư từ bậc sơ-học đến bậc cao-đẳng đều phải tuyên-thệ trung-thành với chính-thể phát-xít.

Chủ-nghĩa phát-xít trước khi thành một chủ-nghĩa chính-trị, khởi thủy ở một lý-tưởng triết-lý, do các nhà triết học Benedetto Croce và Giovanni Gentile chủ trương và gây một phong-trào rất mạnh trong phái trí-thức vào đầu thế-kỷ thứ hai mươi: đó là thuyết duy-tâm. Họ tin rằng tư-tưởng có một giá-trị tối cao mà quốc-gia là tượng-trưng tuyệt-mỹ của tư-tưởng. Quốc-gia gồm cả đạo-đức, tôn-giáo, tổ-quốc. Vì vậy so với cá-nhân, quốc-gia có một giá-trị và uy-quyền tuyệt đối. Tất cả những quyền, những tự do cá-nhân, những ước-vọng của riêng từng người đều phải biến tan trong sự muốn chung lập thành một quốc-gia. Tôn-giáo cũng phải phụng-sự quốc-gia vì tôn-giáo cũng là một phần của quốc-gia và sự phát-triển đầu tiên của tư-tưởng. Thuyết triết-lý đó đã gây cho chủ-nghĩa quốc-gia ở Ý một sức mạnh vô song.

Chính-phủ phát-xít nắm hết quyền giáo-dục dân chúng để phụng-sự chủ-nghĩa quốc-gia. Bộ quốc-dân giáo-dục điều-khiển hết các nền học, tiểu-học, trung-học, cao-học, các trường công cũng như các trường tư. Trường tư chính ra cũng rất hiếm.

VIỆC VÀ TÀI-LIỆU

Giáo-dục thanh-niên VÀ NỀN SƠ-HỌC Ở NƯỚC NGOÀI

của VŨ BÌNH-HÒE

Các trường cao-đẳng mất quyền tự trị mà trước kia được hưởng — sinh-viên mất quyền chọn các môn học và chương-trình. Ở các địa-phương, quyền chính cũng tập chung vào tay một vài nhân viên của chính-phủ trung-ương.

Giáo-dục duy nhất đã lập từ năm 1859. Sau 4 năm bỏ buộc ở trường sơ-học, học-sinh thi vào các trường trung-học chung cho con gái con gái và dạy không lấy tiền. Nền trung-học chia làm bốn ban, một ban cổ-diễn, một ban cận-đại (ban chuyên-môn) một ban giáo-khoa và một ban chuyên-nghiệp. Mỗi ban có hai bậc, dạy trong 7 hay 8 năm và đưa học trò lên các ngành học cao-đẳng.

Những đặc tính của nền trung-học Ý là rèn cặp rất sớm về các khoa chuyên-nghiệp những thanh-niên không có thì-giờ để theo đuổi sự học đến cùng; lập nhiều khoa chuyên-môn để thích-hợp với những nhu-cần của nền kinh-tế trong nước; lựa chọn khắt-khe những nhân tài. Người ta nhận thấy ở bên Ý, các nhà cầm quyền muốn tránh sự mở-mang thái quá của lối học phổ-thông và tránh cả sự gây một bọn trí-thức thất nghiệp; Ý muốn của họ là: gìn giữ các ngạch trong xã-hội, chia thiếu-niên làm hai phái: phái cầm quyền và phái lao công.

Nền tiểu học ở Ý

Các trường tiểu-học xưa kia do làng lập ra và trông nom, bắt đầu từ năm 1933 đều đặt dưới quyền của chính-phủ.

Khác ở nhiều nước, nền tiểu học ở Ý là nền học theo đạo gia-tô. Khoa học đạo trước kia không bỏ buộc, đã thành cưỡng bách bắt đầu từ năm 1923. Đó là một việc đầu tiên mà thủ-tướng Mussoloni đã làm ngay sau khi lên cầm quyền. Vì tôn-giáo là một phương châm của chủ-nghĩa quốc-gia đặt trên thuyết duy tâm, vừa là một phương-tiện để gây những đức-hình cần cho một chính-thể chuyên-chế: trọng kỷ-luật phục tùng bề trên, giữ gìn tục-lệ trong xã-hội và những kỷ-cương về luân-lý.

Phương-pháp của nền tiểu-học là: « ông giáo hoạt-động, học-trò hoạt-động, lối dạy hoạt-động. »

Chương-trình có những môn như sau này:

1) Ở những lớp đồng-ấu (từ 3 đến 6 tuổi) dạy hát, vẽ, trò chơi, làm vườn, chữa các thiên-kiến và dị-đoan.

2) Ở những lớp trung-đẳng (từ 6 đến 9 tuổi) hát, vẽ, thể-thao, đọc, viết, tính, hát các bài quốc-ca, nhận xét công việc đồng áng và kỹ-nghệ, xem xét các di-tích về lịch-sử và các trước-tác về mỹ-thuật.

3) Ở những lớp cao-đẳng (từ 9 đến 12 tuổi) dẫn giải cách tổ-chức kinh-tế và xã-hội, dạy những điều cương-yếu về các khoa-học theo sự quan-sát hàng ngày, địa-dư nước Ý và những nước có dân Ý.

Nền tiểu-học ở Ý là một nền học thiết thực và mạnh mẽ.

Thầy giáo và học trò phải theo một kỷ-luật nghiêm-ngặt: Hoạt-động, giữ trật-tự, trung thành với nước và chính-thể phát-xít.

Ngoài học-đường

Ngoài học-đường chính-phủ và đảng phát-xít vẫn theo đuổi việc huấn-luyện thanh-niên — bằng cách lập những thanh-niên-đoàn do chính-phủ cầm đầu. Năm 1931 chính-phủ giải tán hết các hội thanh-niên không phải đảng phát-xít lập ra: những hội đó phần nhiều là những hội công-giáo.

Những đoàn thanh-niên chia làm ba bậc:

1) Những ấu-đoàn hay đoàn Balilla cho trẻ nhỏ từ 8 đến 14 tuổi.

2) Những đoàn tiên-phong (avant-gardistes) từ 14 đến 18 tuổi.

3) Những đoàn thanh-niên phát-xít trên 18 tuổi; đến 21 tuổi, thanh-niên tham dự vào đảng.

Cónhững đoàn cho con gái thứ bậc cũng như thế.

Tinh cách cốt yếu của các thanh-niên đoàn là tinh-thần ái quốc và thượng-võ. Khoa thể-dục được tôn-sùng và tổ-chức khắp trong nước, theo một mục-dịch thực-tế, tức là dự-bị chiến-tranh — Thanh-niên trong đoàn chia thành từng đội và

tập những môn thể-thao riêng: có những đội bộ quân, hải-quân và không-quân.

Những buổi diễn-thuyết về binh-bị, chính-trị, luân-lý, những buổi chiếu bóng, hát kịch, những buổi giảng đạo hòa-hợp, trong một tin tưởng: đảng, tổ-quốc và tôn-giáo.

Đoàn Balilla là đoàn to nhất, năm 1933 gồm hơn ba triệu trẻ nhỏ.

Balilla là tên một anh hùng cừu quốc trong dã sử mà đảng phát-xít dùng để làm gương cho thiếu-niên.

Đoàn Balilla trước hết có mục-dịch tương trợ: khám bệnh không mất tiền, cho thuốc, giúp tiền khi bệnh nạn. Sau là mục-dịch giáo-dục: trẻ con trong đoàn tập những tinh thủ-tự, sạch-sẽ vệ-sinh; người ta gây sự trọng kỷ-luật và ham ganh đua bằng những buổi tập thể thao, những cuộc thi hát thi vẽ. Trong những dịp nghỉ hè và nghỉ lễ người ta tổ-chức những buổi đi chơi, cắm trại, thăm các đền đài trong nước.

Có những đoàn riêng cho thợ-thuyền và tiểu-viên-chức. Tức là công cuộc Dopolavoro: có 14.000 đoàn với hơn một triệu đoàn-viên.

Chế định toàn quốc võ luyện

Bắt đầu từ năm 1935 mà đảng phát-xít dự-bị chiến-tranh, thì tất cả nước Ý là một trại lính rất lớn. Việc võ-luyện là một phần cốt-yếu trong chương-trình giáo-dục dân-chúng, bắt đầu từ lúc đưa trẻ mới hiểu biết cho đến tuổi nhập vào quân đội, ở suốt các bậc học, tiểu-học, trung-học và cao-học.

Giáo-dục Ý theo lời nói của thủ-tướng Mussoloni, thực hành « bằng sách và bằng súng ».

Chủ-nghĩa phát-xít dùng giáo-dục để tạo cho 40 triệu dân một lý-tưởng, lý-tưởng quốc-gia, một tôn-giáo, tôn-giáo của đảng: kỷ-luật và uy-quyền.

II. — Ở NƯỚC ĐỨC

S AU hồi Âu-chiến, đảng Quốc-xã ở Đức đặt lên đầu chương trình cải tạo quốc-gia việc huấn-luyện thanh-niên. Hitler tin chắc rằng sự thống nhất trong dân-gian về tinh-thần là chức-trách của bọn thanh-niên hăng-hái và tin ở mình, và tất cả những trở lực mà đảng quốc-xã phải đối-phó, sẽ từ đó mà biến mất. Chính trong tay.

Lý-tưởng của đảng Quốc-xã là một thần bí, một triết-lý về lịch-sử, muốn tổng-quát cả thế giới. Cái đại mộng ấy đặt trên một nền giáo-dục chuyên-chế mà mục-dịch là đào-tạo một giống người xuất chúng — (le surhomme de Nietzsche).

Chủ-nghĩa Hitler coi nói giống là một sự huyền-bí có những đức-tính cao-quý. So với nói giống thì cá-nhân không còn có giá-trị gì mà quốc-gia cũng chỉ là tay sai của nói giống — Quốc-gia chỉ

gồm có 60 triệu dân Đức sống ở trong địa-giới nước Đức. Nhưng nòi-giống Đức còn thêm 40 triệu dân có máu Đức sống ở nước ngoài.

Một người dân Đức phải tự hào là được làm phần tử của một nòi giống cao quý và có một hồn phách thiêng-liêng phải giữ cho nòi-giống được tinh-khiết vì đó là bi-quyết của sức mạnh nước Đức.

Vậy giáo-dục có sứ mệnh gây cho thanh-niên tư tưởng tôn-sùng nòi-giống để mọi người phải tự luyện thành những tên lính mạnh, có thể hi-sinh cả bản thân và gia-đình cho giống-nòi. Chính-phủ quốc-xã thờ-phụng lý-tưởng đó tất nhiên có bổn-phận giáo-hóa thanh-niên theo con đường ấy và có quyền cai-quản thanh-niên và bắt phải trong-thành với chính-thể quốc-xã. Không bao giờ và không ở đâu, chủ-nghĩa quốc-quyền lại có một sức mạnh đến bậc này.

Phải hi-sinh cho nòi-giống, cho nước, cho đảng. Đó là phương-châm của nền giáo-dục Đức.

Muốn thể phải *khỏe* và *can đảm*. Ở nước Đức giáo-dục đặt trên học-thức. *Thể-dục* là một phần tối quan-trọng trong chương-trình học tập và có tính cách *vô bị*. Trước khi là một thi-sĩ hay một nhà bác-học, thanh-niên Đức phải là một tên lính dũng-cảm và trung-thành.

Thanh-niên phải *khỏe* và *can đảm* để dự-bị chiến-tranh — và *khỏe*, *can đảm* để hoạt-động, để chịu nổi những công-việc nặng-nề về kinh-tế, làm mạnh cho nòi-giống bằng sự cần-lao. Khoa giáo-dục Đức tôn-sùng sự làm việc bằng chân tay và coi sự hoạt-động là ý-nghĩa duy-nhất của sự sống.

Muốn hoạt-động có ích lợi và kết quả, phải là người hiểu biết việc đời, nhiều kinh-nghiệm trông rõ thực-tế cho nên khoa giáo-dục ở đây có tính-cách thiết-thực và thực-dụng — Trong các môn học, phần lý-thuyết rất ít, phần thực-hành trái lại rất quan-trọng. Học-sinh nhận xét và tập làm nhiều hơn là học.

Sau cùng giáo-dục Đức là một giáo-dục cưỡng-bách và cùng một khuôn mẫu cho mọi người (dressage) khác hẳn với lối dạy hóa theo cá-tính của Mỹ. Lối dạy hóa theo cá-tính lấy sự tôn-trọng cá nhân làm phương-châm tất không thể nào dung-hòa được với một nền giáo-dục chuyên-chế đặt trên chủ-nghĩa quốc-quyền. Ở Đức, những điều dạy học-trò là mệnh-lệnh phải theo; trí phán-đoán chỉ theo mẫu của người dạy mà người dạy việc theo sự phán-đoán của những người nắm quyền trong chính-phủ và trong đảng — Đó là lối dạy của nhà binh.

Cách tổ chức giáo-dục

Chính-phủ giữ độc-quyền việc tổ-chức giáo-dục. Đó là một sự đặc-thắng của đảng quốc-xã sau bao cuộc sung đột nhiều khi kịch-liệt giữa giáo-viên và lãnh tụ của đảng, giữa đạo gia-tô và đạo Hitler, giữa sinh-viên phái cũ và sinh-viên quốc-xã, giữa phái cổ-diễn và phái tùy thời.

Đảng quốc-xã từ nay dùng quyền độc-đoán đào luyện thanh-niên ở trong phạm-vi trường học cũng như ở ngoài học-đường.

a) Ở trong trường học

Sự thống nhất về hành chính (30 janvier 1934) (1) đem lại sự *thống nhất về giáo-dục* xưa kia các trường chỉ đặt dưới quyền kiểm-soát của chính-phủ trung ương còn các xứ vẫn giữ quyền tổ-chức các nền học. Từ nay tất cả các trường tiểu-học, trung-học, đại-học đều do bộ giáo-dục cai-quản đứng đầu là một đảng viên quốc-xã.

Chế-độ chuyên-chế lan cả đến xiệc quản-trị trong trường. Các ông đốc trường tự ý định đoạt các việc không phải hỏi ý-kiến hội-đồng phụ huynh học-trò như trước nữa. Các trường cao-đẳng mất hết quyền tự trị mà phải tri-thức xưa nay vẫn cố giữ.

Sự chọn-lọc giáo-viên và học-sinh rất khắt-khe. Người ta thải hết những người không cùng giống Aryen và tất cả những người khả nghi về tư tưởng chính-trị và luân-lý.

Nền *tiểu-học* tổ-chức thành trường đồng-tín giáo (l'école communautaire) để chống với những trường công-giáo. Từ trước đến nay các trường tiểu-học hầu hết là những trường công-giáo; các ông giáo thuộc về một phái gia-tô và dạy học-trò khoa học đạo. Đảng quốc-xã gây một phong-trào để xui những gia-đình yêu cầu lập trường đồng-tín giáo. Đảng muốn in sâu vào não thanh-niên một tôn-giáo mới dung-hòa đạo gia-tô với lý-tưởng giống nòi. Cái thâm ý của Hitler, nhà đạo đã hiểu rõ: sự cải cách trong khoa học đạo đó chỉ là một lối áp bức tôn-giáo. Đảng quốc-xã lại vạch cho công chúng biết những việc xấu xa về phong tục để làm mất tin-nhiệm những trường công-giáo, và giải tán những hội công-giáo nào có những hành-động trái với lương tâm và phương hại đến sự tinh-khiết của giống nòi.

Bằng những cách ấy, hầu khắp mọi nơi, chính-phủ được toàn thắng: 90 phần trăm các gia-đình cho con theo học trường đồng-tín-giáo của chính-phủ.

Chương-trình dạy trong các trường sửa đổi hẳn lại. Khoa lịch-sử, hay nói cho đúng, khoa triết-lý về lịch-sử ở trong các nền học, tiểu-học, trung-học và đại-học, chiếm một phần tối quan-trọng. Các ông giáo phải học lại sử theo những nguyên-tắc của chủ-nghĩa giống-nòi. Bộ giáo-dục làm cho nền tiểu-học một quyển quốc-văn đọc bản toàn thư, chia làm 4 tập dùng trong 8 năm, trong đó công cuộc của đảng quốc-xã được diễn-tả và phê-bình cặn-kẽ.

(1) Theo lịch-sử, nước Đức cho tới thế-kỷ thứ 19 là do nhiều nước nhỏ hợp thành một liên bang — Sau 1870, một nước trong đó mạnh hơn, Nước Phổ thống nhất bờ cõi. Tuy nhiên đó chỉ là một sự thống-nhất về mặt chính-trị. Còn về hành chính mỗi xứ vẫn giữ một cách tổ chức riêng — Từ khi Hitler lên cầm quyền việc hành chính các xứ thành duy nhất.

Đảng quốc-xã chú-trọng đặc biệt đến nền học chuyên nghiệp. Theo đuổi việc tổ chức quốc-gia, đảng phải điều-khiển sự hoạt-động về kinh-tế của toàn-thể dân-chúng.

Vì vậy, có những cuộc thi về nghề-nghiệp để biểu-dương và khuyến-khích tài nghệ của những người chuyên môn. Mỗi năm có một kỳ thi vĩ-đại cho khắp cả nước tận cùng, vào hôm 1er mai, ngày hội quốc-gia lao-động bằng một cuộc phát thưởng long-trọng và cuộc đi diễu của những người trúng-thi trước mặt Tổng-thống.

Năm 1936 có 250 ngành nghề-nghiệp dự thi: thợ cạo, lực-sĩ, nông-gia, thợ máy, nhà luật-pháp, thợ rèn, nữ-sinh viên trường thuốc... gần một triệu thí-sinh — Một kỳ thi chung là thi thể-thao. Rồi đến nhiều kỳ thi loại. Cuối cùng là kỳ thi chọn những người trúng giải — Lần đầu, sinh-viên chia thành từng ban tham dự vào cuộc thi. Hội-hệ độn-dịp; những cuộc đi diễu, những buổi tuyên bố kết-quả, những buổi phát thưởng; người ta dùng mọi cách cho cuộc thi được hết sức huy-hoàng.

Ngoài những trường chung cho cả thanh-niên Đức, Đảng quốc-xã còn lập những trường riêng của đảng, áp dụng một chương-trình nghiêm-ngặt hơn để đào-luyện những lãnh-tụ của đảng. Những trường đó mở cho hết mọi người không phân biệt đẳng cấp, nhưng lựa-lọc một cách ác nghiệt; người ta chỉ nhận những thiếu-niên cường tráng và giông-giỏi thật tinh-khiết về chủng-loại. Những trẻ được nhận vào những trường đó sống cách biệt hẳn gia-đình, tôn-giáo riêng, và được huấn-luyện về hình-hài và tinh-thần theo lý-tưởng của đảng — Những trường đó chia làm ba bậc đại để tương-đương như ba bậc học chung cho cả thanh-niên :

1.) bậc thứ nhất là những trường *Adolf Hitler* cho trẻ từ 12 đến 18 tuổi.

2.) bậc thứ hai là những trường quốc-gia chính-trị cho thiếu-niên trên 18 tuổi.

3.) bậc thứ ba là những *đội tráng-sĩ* (*Ordensburgen, les Burs de l'Ordre*). Nửa như nhà tu nửa như quân-đội, những trường này đào-luyện một bọn thanh-niên theo mẫu những tướng sĩ của nước Phổ ngày xưa, những tướng sĩ về chính-trị, những chiến-sĩ của đảng (*le Junker du Parti*) — người ta chỉ nhận những thanh-niên thật hoàn-toàn về chính-thức và giông-dõi, đã từng chiến-đấu cho đảng, tuổi từ 25 đến 30 — Hai phần ba thì giờ dùng về thể-dục, một phần ba về giáo-dục chính-trị, lịch-sử và kinh-tế.

b) Ở ngoài học-đường

Ở ngoài trường, đảng quốc-xã vẫn theo đuổi chặt-chẽ việc huấn-luyện thanh-niên. Đứng đầu các đoàn thanh-niên là Baldur von Schirach.

Các thanh-niên đoàn có những bậc sau này :

1.) những *ấu-đoàn* cho trẻ nhỏ từ 10 đến 14 tuổi.

2.) những *đoàn thanh-niên Hitler* từ 14 đến 18 tuổi (*Hitler Jugend. H. J.*)

Con gái ở lâu hơn ở trong đoàn của họ : *ấu-đoàn* từ 10 đến 15 tuổi; *nữ thiếu-niên liên-hiệp đoàn* từ 15 đến 21 tuổi.

Cách tổ-chức các đoàn phỏng theo lối nhà binh: Bọn trẻ trong mỗi đoàn chia thành từng đội, có cờ riêng, y phục một kiểu, xếp thành hàng, ngũ, đi diễu theo dịp kèn dưới quyền chỉ-huy của những viên *đội-trưởng*, nghiêm chỉnh mạnh mẽ như những toán quân.

Ngoài việc thể-dục và võ-luyện, người ta còn chăm-chú đến đức-dục. Chương-trình trong các đoàn thanh-niên, ngoài những buổi tập đi bộ và thể thao có những buổi diễn thuyết và dẫn-giải về chính-trị và chủ-nghĩa quốc-xã.

3.) những *đoàn lao-động* cho thanh-niên trên 18 tuổi. Những thiếu-niên muốn theo bậc cao học, trước khi vào các trường cao-đẳng, bắt buộc đã phải sống 6 tháng trong một trại lao-động (1) (*camp de travail*). Chương-trình sống trong đó gồm có những buổi tập thủ công, thể-thao và những buổi nói chuyện chính-trị.

Cách sống này kết chặt tình giao-hữu và đoàn-thề cùng gây cho thiếu-niên sự ham thích hoạt-động và cần-lao.

Về phương-diện kinh-tế, sự tổ-chức vĩ-đại ấy dùng 30 vạn nhân công trong một năm để làm những công việc ích chung: phá rừng, làm đường, đào sông, xây trường hay lấp đồng lầy, khai khẩn đất hoang... Những kết-quả thiết-thực lắm khi không được như ý muốn. Vì sự chi-phí về những trại đó không phải là ít. Song ai cũng phải công nhận rằng đó là một trường đào-luyện những thiếu-niên gan-góc và chịu đựng những sự khó nhọc. Trại lao-động là một bậc học nổi học-đường với quân-đội.

4.) Các *đoàn chuyên-khoa*. Trong khi theo học ở ban cao-đẳng thanh-niên nam nữ phải gia nhập vào một trong những đoàn chuyên khoa huấn-luyện những lãnh-tụ cho đảng — đoàn thanh niên hải-quân — đoàn nữ thanh-niên quốc xã, *đội cảm tử* — đoàn kỹ-binh quốc xã — đoàn thông tin — *đội chiến xa* — *đội phi-công quốc-xã*...

Ngoài những đoàn ở trên cho những thiếu-niên cùng một hạng tuổi, có rất nhiều những đoàn thể-thao tổ-chức và thống-hệ và đặt dưới quyền của một lãnh-tụ quốc-xã. Cả những quán trọ thanh-niên, một tổ-chức đã có từ lâu và có tính cách lãng-mạn, để gây sự ham-thích du-lịch và đời sống ngoài trời, nay cũng do chính-phủ và đảng quốc-xã cai-quản.

Tất cả những thanh-niên đoàn đều theo đuổi một mục đích : nung-rèn chí dũng-cảm cho thanh-niên, tinh đoàn-kết, lòng ham chiến đấu để phụng sự nòi-niống và chủ-nghĩa quốc xã.

(Còn nữa)

(1) Không bó buộc đối với con gái.

VỀ CHUYỆN MỘT CHIẾC VA-LY MỚI

của NGUYỄN TUÂN

(Tiếp theo và hết)

Cái ban âm nhạc của nhà Thủy Tạ thực là đủ thứ người ngoại quốc: Nga La Tur, Ba Lan, Ý Đại Lợi, Phi Luật Tân v. v... Tôi ngắm mãi cái người nhạc công tuổi tác người Ba Lan kia, mỗi đánh xong một bài lại lau mắt kính gọng vàng, lại lau hai mái tóc bạc, gật đầu cảm ơn một cái công chúng bất kính với tất cả cái khuất lụy rất tôn giáo của một người đã già nòng nổi nước đời mà tôi đã bùi ngùi muốn khóc thành tiếng. Được dịp chia cái buồn này với một người nhạc công già vô danh. kia, tôi đã vui lòng bót sê của đứa con út tôi một ít nước mắt thầm.

* *

Đêm hôm ấy, tôi đã về đến nhà. Trừ có ông tôi còn thức ăn thuốc khuya, cả nhà đã đi ngủ. Bị thức giấc, mọi người đều nhìn tôi với cặp mắt mệt mỏi. Trong cái yên lặng của một mái nhà ngủ bị chìm hẳn vào cái đêm của tỉnh giấc, tôi nhìn mấy khoảng giường có những cánh màn the cũ màu rử buồng mà lòng thấy se co hẳn lại. Tôi nghĩ thấy một mùi nhạt nhạt của những vật cũ mỗi ẩm mốc. Ở đây, có một cái gì bé bỏng vừa đi khỏi. Ông tôi nói luôn:

— Thầy biết cái thằng Lãng ấy là khó nuôi lắm. Lá số Tử Vi của cháu tốt quá. Hồi mợ nó sinh nó, thầy bấm giờ, dần sao thấy số tốt quá, thầy đã biết là khó giữ được nó, nhưng không dám nói. Kịp đến kỳ cháu đầy tuổi tôi, thầy vẫn cứ nghi ngại, cho rằng cái của quý nó ở được với mình nào thì cũng biết vậy mà nâng niu thế cái gì tốt quá lại ít được bền. Con khác mấy những người đánh bài cần thận, ít người dám ừ kính từ cổ. Tò tò đã vậy mà đến bài tây thì người ta cũng kiêng những ván bài to có bốn con ít-xì về mình cả.

Tôi ngồi im, lấy sức mạnh của ký ức vẽ lại vào trong tâm khảm cái hình ảnh đứa trẻ. Thằng Lãng ngoan lắm. Trán cao, má lúm đồng tiền, mắt sáng như nước mùa thu. Còn nhớ hồi đầu năm về thăm nhà, lúc tôi ra đi,

mẹ Lãng bỗng nó ra cửa hướng vào tôi đã leo lên xe, nó phụng phịu mím môi lại. Tôi đã ngánh mặt đi, lấy chân giục người xe già cất cang xe cho nhanh.

Tôi lại nghĩ đến lúc nó chết. Rồi khi không đang ngồi bên cạnh bộ đồ trà nóng của thầy tôi tuôn đầy một bầu khói nước đượm hương Ó Long mà tôi đánh hơi lại thấy toàn những mùi ghê gớm của khói chổi xể, lá sơn và bồ kết và gỗ bạch đàn.

Vẫn thầy tôi nói tiếp:

— Được cái có thầy ở nhà, việc chôn cất cháu cũng được tươm tất. Cái số thằng Lãng thế mà lại hóa may. Thầy có ít tiền định đi chơi xa. Trùng trình đợi một người, thành ra mới có ở nhà hôm cháu đi đấy chứ.

Bỗng thầy tôi nhìn vào hành lý của tôi, đổi hẳn câu chuyện:

— Con lại mới mua cái va-ly mới đấy à? Lại định đi đâu?

Vợ tôi lộ đầu vào ánh sáng khung cửa, mắt còn ngái ngủ, vừa bắt gặp câu chuyện, chưa hiểu đầu cuối ra sao, vội chen ngay vào:

— Vừa chân ướt chân ráo về tới nhà, lại đã đòi đi. Chẳng mấy khi về tới nhà; động về là đã dưng dưng đòi đi ngay, chẳng còn thiết đến ai cả. Kia, chết chửa, lại cái va-ly mới nữa! Thầy bảo nhà con hãy ở nhà lấy ít hôm. Hôm qua là ba ngày thằng Lãng, lỡ đã không về kịp thì rồn ở lại ít ra là tới ngày tuần sau cúng cơm cho Lãng vậy.

* *

Lâu lắm, tôi mới lại có dịp đặt chân vào cái nghĩa địa hàng tỉnh này; những luống trắc bách diệp đã xum xuê, những hàng thông mỗi lúc reo gió đã liên tiếng rì rền. Cái bó hoa mẫu đơn đỏ đặt trên chòm mả thằng Lãng vẫn chưa khô héo hẳn. Thấp xog tuần nhang vào cái nấm đất mới và nhỏ bé chưa xanh tấc cỏ, nhà tôi và tôi vừa nhặt cỏ may ở quần áo và nghe mấy đứa nhỏ nói chuyện với nhau về cái chết của em chúng.

— Em Lãng chết rồi, em Tương không hiểu gì cả lại cứ bảo là em ngủ, nằm mãi bên cạnh.

Đến lúc mơ bảo cho biết là Lãng hồng rồi, sợ quá, chạy mất.

— Thế chị ăm em như thế mà chị không sợ à ? Nay, chú Lãng rồi chú ấy thiêng lắm đấy. Mơ bảo thế.

— Nay làm sao lúc bỏ em vào cái hộp gỗ, bà lại bắt lấy tí mực đỏ bôi vào trán chú Lãng?

— Vào gan bàn tay chứ. Định bôi vào trán, nhưng sau mơ bảo đánh dấu như thế càng thêm tội em bé, bà lại bảo bôi vào lòng tay.

— Chú Lãng vừa đi xong có một lúc là có kiến ngay. Đây cả giường.

Thầy tôi cũng tìm đến mộ cháu Lãng vào lúc chúng tôi sắp ra về. Lại nói chuyện nhiều về cái lúc sống của một đứa trẻ tội nghiệp. Gió thổi vài đợt nhẹ vào mấy luống tùng bách, đánh rớt xuống nhiều giọt nước mưa đọng trên lá cây.

Ra đến quá cái bia kỷ công nghĩa địa, thầy tôi đọc lại cho tôi nghe một đôi câu đối nôm của thầy tôi đề chính vào nghĩa địa này hồi mới dựng nghĩa trang hàng tỉnh.

*« Có hoa bốn mùa, có chùa tụng kinh, người suốt
vàng một giắc ;*

*« Nay cuộc trăm năm, nay mồ vô chủ, vầng trăng
bạc năm canh.*

*
* *

Vài ngày sau, cái buồn của tang đã lắng xuống rồi, tôi muốn phôi dãi tôi ra một chỗ thoáng nào. Tiết trời hè mà không khí ăm ỉu quá chừng. Lần đầu chiếc va-ly mới đã lên hoa mốc. Hoa mốc trắng như hoa mộc rồi dần dần xuống màu, ngả đúng cái màu hoa soan muối. Mỗi lúc lấy dễ lau chùi va-ly là tôi lại lấm lét như trẻ ăn vụng. Tôi phải đợi cho thầy tôi đi vắng hoặc nhà tôi đi chợ thì tôi mới dám làm cái việc tắm rửa ấy cho hộp hành lý. Tôi biết trước rằng nên bắt gặp tôi sẵn soạn sửa va-ly, thế nào nhà tôi hoặc thầy tôi cũng gán một câu : « Thì hãy ở nhà lấy ít hôm nữa. Việc quan việc vửa gì mà cứ tôi tấp lén. Có ra thì cũng chỉ đến họp chúng họp bạn thôi chứ gì. »

Không, tôi không muốn ở nhà nữa. Nhưng với một cái va-ly mới đẹp như thế kia, bây giờ tôi sẽ đưa nó đến một phương nào để đánh dấu cho đời nó một ít ngày đầu tiên xứng đáng ? Tôi muốn cho đời nó được đẹp, được rộng, được mới lạ. Chẳng nhẽ nó lại chỉ có theo tôi vào đến cái đất Thanh này để biết đến có một chút mùi đất nghĩa địa ử lấy một mùi cốt mềm của một cái chết hồn nhiên, chỉ có thể rồi lại lộn trở về Hà Nội — cái nơi lăm

thường đã hết gọi đến tộc mạch, cái nơi quá quen thuộc mỗi gặp lại là lòng không bao giờ còn bông bột cõi mở được nữa như ở những đất sơ giao ?

Vào chẳng ? Đi vào trong nữa chẳng ? Hay là lại lộn về ?

Tôi hỏi tôi, tôi hỏi cái va-ly của tôi, tôi hỏi cái ví tiền trong túi, và một buổi chiều cô đơn ấy, đối diện với nếp thành gạch cổ, trên gác sân một lầu rượu vắng lạnh như chùa Bà Đanh, tôi lại hỏi cái cốc rượu mạnh của tôi. Trong đáy cốc đã lắng hết cặn, trên mặt cốc đã vỡ hết bọt men, tôi thấy đèn dần lên, hiện dần lên, hình ảnh vài người bạn ở xa. Bóng người trong chắt rượu chập chờn như bóng ma chài trên một cái mặt bể lặng.

Có một người quen đang đi dưới mặt đường nhựa phố. Ồ, ông bạn Ch. Ph. Thế này thì tôi không phải uống rượu một mình nữa rồi. Độc ăm, nhiều khi tủi lắm. Tôi cho phở-ky chạy theo mời ông lên.

— Về bao giờ ? Mà không đi thăm các bạn. Mà không xuống thăm ta. Mà ngồi uống rượu một mình như một người không có bạn thế này, hở người anh em lâu lắm mới lại gặp ?

— Tôi bây giờ làm gì có bạn. Ở đây, anh bảo tôi đi thăm ai bây giờ ? Uống đi. Hôm qua, định xuống ; nhưng anh sống cái nghề chủ thuyền, ngày giờ trên sông nước rất là không thường, xuống không chắc thuyền có đậu bến nhà không, nên lại thôi. Nhất ăm nhất trắc giai do tiền định. Uống đi.

— Thế về làm gì ?

— Để xuống đặt một vòng hoa dưới nghĩa địa. Tôi vừa bỏ một cháu.

Chúng tôi lặng lẽ uống, nhìn vào một cái buổi chiều chờ trên. Ở cái tỉnh lẻ này, tôi nghiệm ra hình như buổi chiều đều không có hoàng hôn. Tôi ngắm cái khuôn mặt ông bạn Ch. Ph. Cái vít sọc ở cổ ấy gió sương trên sông bề đã làm thẫm màu rồi. Mấy năm làm thuyền còn gì nữa rồi ông làm lễ hạ thủy chiếc thuyền « Hồng Lập » chở được hàng ba mươi than, ông đánh giấy mời tôi về dự lễ ở Bến Ngự, tôi có mừng ông — ông, xưa kia chuyên soạn kịch, sống với sân khấu — một đôi câu đối :

*« Cảnh thế nhọ người hào, tiếng đề Châu Thang
phương hát bội ;*

*« Bể nguồn xáy nghiệp nổi, gió đưa Bến Ngự
chuyến đó than.*

Tôi hỏi thăm ông về chiếc Hồng Lập.

— Chiếc Hồng Lập bán rồi. Được giá thì bán để đóng chiếc khác to hơn, chứ xấu gì chuyện đó. Giờ đóng chiếc Hồng Cơ. Chở được đến hơn bốn mươi tấn. Sớm ngày kia, chiếc Hồng Cơ lại ra Uông Bí lấy than đấy. Có đi cùng không? Lại uống rượu tay đôi trên sông mà!

Tôi chồm hẳn dậy. Cả một cốc rượu còn đầy, tôi chỉ làm có một tợp. Tôi mừng rơn. Tôi mừng cho tôi, tôi mừng cho chiếc va-ly của tôi. Nó sẽ được đi mạnh; con thuyền ấy sẽ rập rờn trên sóng ngời, sóng kênh, sóng sông cái, sóng biển rộng hằng mấy tuần, cái va-ly mới kia sẽ theo thuyền mà tha hồ thăm các bến, các giang khẩu, các phụ đầu. Đời cái va-ly mới này sẽ có một sự khác lạ, sẽ ghi được một thành tích kỳ thú, sẽ có một bước đầu không hèn! Cái con đường thủy này, tôi vốn lại chưa có dịp đi bao giờ.

— Sao lại sáng ngày kia mới đi? Sao lại không đi ngay sáng mai?

— Cái quân ở trên cạn ra không hiểu gì cả. Ngày kia mới gặp kỳ con nước, thuyền nhỏ neo mới nhẹ mũi nhẹ lái, có biết không?

Tôi à một tiếng, đính ước ngay với chủ thuyền.

*
*
*

Thuyền rút sào, rời bến, đảo mũi. Cái cầu xi-moong Bốn Voi xoay mình vòng quanh. Ấm trà sớm uống trên mặt sông, điệu thuốc lá hút trên mũi thuyền, hương vị khác hẳn mọi ngày. Kế đến bữa rượu sớm dọn ở đằng sau khoang lái, ăn đến đâu, vớt xương thịt xương cá xuống ngay giòng nước chảy lùi. Chủ thuyền đã cho ngâm sẵn mấy vò « hoành tửu »; tôi tưởng thuyền có mắc cạn hằng tuần, thì cuộc đời tình cảm của tôi trong cái khoang thuyền này cũng vẫn chẳng chút nhờ nhàng. Lúc này tôi không biết sợ Thời Gian nữa. Lúc này, nằm phơi mình trên mũi thuyền, nép dưới bóng lá buồm chỉ thiên rộng tới nghìn vuông vải nâu, hưởng cái gió sông xiết mạnh mãi vào lòng phổi, chữa phỏng, tôi mới thấy thương nhớ n, và nghĩ đến cái sự không còn có mặt cuộc đời này của đứa trẻ tội nghiệp vừa bỏ. Không rõ ai đã giảng lá số của trẻ Lăng, mà tôi còn nhớ một lần nưng con trẻ trước mặt tôi, vợ tôi đã vờ cấu vào đùi trẻ và nói: « Mẹ nuôi cho con chóng khôn rồi chóng lại theo cậu nhà. Cung thiên di của con « tốt » như thế thì lại sớm giang hồ thôi. Bố con nhà mày! » Tôi lại nhớ lại hình như mẹ tôi cũng đã có lần nói với tôi na ná như thế, vào những những kỳ thầy tôi đi vắng xa.

Nhà nhem tối, thuyền bắt đầu vào kênh Toán. Trời nổi cơn giông rồi mưa. Mưa lộp độp, mưa rào rào, gõ mãi vào mũi nan cất mỗi giọt đeo nặng là mỗi tiếng đánh thức những chuyện tủn mủn của những ngày qua. Hơn người thay là những người không có dĩ vãng. Đêm nằm thuyền, nghe mưa trên sông! Cả một cái đề cho một áng thơ diễn tả những cuộc đời cô đơn trong tâm khảm. Ngà ngà rượu chiều, nằm lắng mưa ngã mãi xuống xống thuyền, tôi đã liên tưởng đến Xuân Phương — cái người bạn ở Hà Nội mắc bệnh chơi mưa, mưa trên tàu lá chuối, mưa bên cửa kính, mưa ngoài giọt gianh; mưa trên đường nhựa; mỗi lần gặp mưa ở đâu, là người ấy lại tưởng mình đã già thêm đi mất một ít, lại vội mang phấn ra mà soa và thay quần áo mới. Người bạn ấy cũng thêm đi lắm. Sao lúc này, người ấy lại chẳng cùng tôi nằm trong lòng thuyền này, để cùng nghe mưa của cả một chiếc thuyền bông.

Tôi đã khoác tấm chăn chiên vào người, bò lên mũi thuyền. Thuyền đi chậm chậm. Kênh Toán là một con đường thủy gay go nhất cho đám người chèo lái vào những buổi tối trời mà lại mưa gió. Kênh Toán là một con sông đào kiểu chữ chi. Đêm tối như sơn hắc ín. Chủ thuyền chăm chú đợi những cơn chớp nguồn. Mỗi tia chớp là một ngọn đèn rọi đường. Cánh buồm dờn giầy lèo luôn. Thuyền đi ngoằn ngoèo, gió lúc thuận lúc nghịch, chưa thôi giọc hết thì đã tạt ngang; tiếng những con giầy lèo nghiêng vào cái dòng dọc nghe không khác những tiếng chim ác điều kêu vào những kỳ dữ rừng mưa thâm âm sũng có gió ngàn rú mạnh. Trên giòng nước nông hẹp oằn oẻ, chốc lát lại được thấy một cái chấm lửa đứng im. Ấy là một đoàn bè gỗ bỏ dề chờ từ đường ngoài vào bán cho nhà máy Diêm Thanh Hóa, đến đây phải nghỉ lại.

— Bè bỏ bên nào? Bỏ bên cạy hay bên bát?

Lúc tránh nhau, sườn thuyền cọ vào mạn bè gỗ, nổi lên những tiếng kịt kịt rất bé như tiếng thở dài. À thế ra « cạy » và « bát » là thế. Cạy là bên phải của thuyền, bát là bên trái của thuyền. Còn nhớ ngày nhỏ đi học, giờ Quốc Văn, đọc đến câu « một con thuyền cạy bát bên giang » thầy giáo dạy tôi không thêm cắt nghĩa tôi!

Suốt một giọc Kênh Toán, toàn bè là bè. Hết gỗ bỏ dề lại đến nữa. Trên nhiều nhà bè, còn thức, có rất nhiều tiếng đọc kinh đăm ngực

(Xem tiếp trang 27)

(Tiếp theo)

PHẦN THỨ HAI

VII

MẬU cất xe đạp, đi vội lên nhà. Qui đang ngồi khâu ở phòng khách, ngừng lên:

— Anh đã về.

Mậu lại gần, đặt lòng bàn tay vào dưới cằm. Qui, nâng mặt nàng lên:

— Em làm gì đấy?

— Em rút mấy cái mùi xoa.

— Ngoan nhỉ! Được mấy chiếc rồi?

Họ như một đôi đào kép đóng vụng một sen kịch, chỉ thuộc lời nói chứ không có điệu bộ của tài tử lành nghề. Không phải chỉ nói những câu âu yếm là đủ có một cảnh âu yếm. Cử chỉ của họ có một vẻ dă-dối, mà có lẽ chính họ thấy trước tiên. Mậu buông tay ra, lại chỗ bực thấp cúi gầy. Qui lại cúi xuống kim, liếc nhìn chồng.

Mậu cũng không xấu. Thân thể đầy đà, mặt tròn và hiền lành, lún-phún ít rìa mép chưa cao, những lúc ăn mặc tử tế thì Mậu cũng ra vẻ. Từ khi lấy Qui, Mậu rất để ý đến y phục. Ngày ngày, tuy chỉ có việc ra sở ngồi đợi đến giờ về, anh chàng cũng ăn mặc đóm-dáng như đi xem chợ phiên, hay đi dự tiệc. Qui nhớ lại đêm hôm hợp-cần: sao chồng có vẻ thô-lỗ, tức cười đến thế! Lúng-túng trong bộ đồ ngủ màu lòe-loẹt mới may, dáng-diệu ngượng-nguay, Mậu như một tên lực điền học làm sang. Buổi sáng, bộ quần áo mới đã nát, Mậu há miệng ngủ, một tia nước dãi chảy từ cạnh môi xuống gối. Qui nhìn mà thấy tủi thân. Mậu bây giờ khác hẳn. Nhưng một lúc sau, Mậu mặc quần áo cánh, thì Qui lại thấy người đàn ông đêm ấy.

— Đã có cơm chưa? Em bảo dọn cơm đi.

Qui đứng lên vợ các thức vào thúng khâu, đi xuống bếp. Mới mấy tháng mà người con gái đã thay đổi nhiều, từ dáng-diệu đến nét mặt. Vóc nàng đã hơi thô, không còn những đường gọn gàng thanh tú. Dáng đi nặng-nề và nét mặt thiếu vẻ tươi cười hồi con gái.

Những bữa ăn là lúc Qui được nghe Mậu đại ngôn, nói những chuyện nàng không ưa nghe, nhưng cũng để mặc cho chồng nói, vì nàng cũng chẳng có chuyện gì. Mậu giải tờ báo hàng ngày xuống bàn, cạnh mâm cơm, rồi đưa hai miếng và, Mậu liếc nhìn sang, gặp những tin hay hoặc lạ, Mậu kể cho Qui nghe. Tin-tức chiến-tranh, tình-hình quốc-tế, bất cứ về một món gì, Mậu cũng có ít lời bình phẩm. Qui ngồi ăn, nghĩ chuyện khác,

Đ Ú ' A C O N

Tiểu - thuyết của
ĐỒ ĐỨC - THU

không bao giờ phản đối. Mậu cho là cô vợ trẻ phục mình.

— Thứ bảy này em muốn đi Hà-nội nữa không?

Qui nhìn sang:

— Ở Hà-nội có gì hay không?

— Hình như có diễn kịch ở nhà hát lớn. Nếu không có gì hay, thì lại ăn cao-lâu, đi chơi quanh và xem chớp bóng.

—Ừ, đi thì đi.

Về chơi Hà-nội chiều thứ bảy đã là một thói

quen của Mậu và Qui. Trai vội vợ chồng mới cưới, muốn tránh mọi người, ở riêng một chỗ hẻo lánh, kín đáo để an hưởng tình ái buổi đầu, Mậu và Qui cần phải ra ngoài, tìm các giải trí khác. Ở nhà, Qui thường âu rầu nét mặt. Mậu thấy rằng lấy được nàng là một điều quá lòng mong ước. Mậu tự cho rằng cái tuổi ngoài ba mươi, cho đến địa vị của chàng không xứng với người con gái trẻ măng. Mậu tự cho là may-mắn, và càng chiều cô vợ trẻ.

Từ lúc lấy nhau, và sau khi bà Mậu về với mẹ. Chiều thứ bảy nào hai vợ chồng cũng giặt nhau về Hà-nội. Muốn cho Qui khỏi so-sánh mình với bọn trai trẻ diện sang, đầu bóng, Mậu cũng hết sức sửa-sang y-phục, may sắm những thức đắt tiền. Mậu như trẻ lại. Một cái ca-vát, một cái mũ nào Qui đã khen, thì Mậu mua cho bằng được, dù giá đắt, và có khi chàng cũng chẳng thích gì. Tháng trước, Mậu đã mua một cái máy hát, chỉ vì chiều ý Qui. Cái máy hát thay được nhiều câu truyện, lấp được những chỗ trống rỗng lúc hai người đối diện mà không ai iết nổi gì.

Còn Qui, như một phần đông thiếu nữ, coi lấy chồng là một cách thoát khỏi gia-đình, dựa vào người đàn ông để thực hành những ý muốn vẫn tiềm tàng trong ý nghĩ, được tự do đổ trách-nhiệm hành vi của mình lên đầu chồng. Qui coi sự chiều-chuộng là lẽ dĩ nhiên, nàng rất có quyền hưởng. Nàng đã bằng lẽ một người anh dề cao tuổi, sự hi sinh gồm hết bốn phận của nàng, cơ hồ c...

Họ về Hà-nội, đi lướt phố, sắm vật, xem hát hay chớp bóng. Những đêm khuya ở rạp chiếu bóng, rạp hát ra, không còn tàu, xe về, hai vợ chồng đi thuê buồng ngủ. Qui thấy thích hơn là ngủ ở nhà. Trên chiếc giường công-cộng khách-sạn, lúc trao thân cho chồng, nàng tránh được một hình-ảnh khác ám-ảnh. Cái ám-ảnh đó bắt đầu từ đêm hôm cưới.

Người chị đã hứa với nàng là sẽ về với mẹ đẻ. Nhưng hôm cưới bà Mậu cũng theo nàng về nhà

chồng. Bà đã không bỏ mất cái địa vị đã cưới vợ lẽ cho chồng, đã đi đón em về. Vả nếu bà không sử như vậy, người ta sẽ nói ra sao? Bà không để mất một quyền lợi mà sau này sẽ có lúc phải dùng đến, sẽ là một lợi-khí cho bà.

Người chị đã sắp chỗ nằm của mình bên ngoài, dành căn buồng cho chồng và em. Tự tay bà trần-thiết gian buồng, cố xếp-đặt, trang-hoàng cho nó ra vẻ một chốn tân hôn. Lúc khách-khứa về, ba người cùng ngượng-ngượng nhìn nhau. Có lẽ chỉ ông Mậu là vui. Quì tự thấy đã đi một bước rất quan trọng. Đến lúc này, những nỗi băn-khoăn, dúng-dắng không còn thể có được nữa. Cuộc đời đã xoay ra một chiều khác hẳn nàng dự tính; hi-vọng về hôn-nhân, tình ái đã thu lại một chiếc giường trong buồng kia, và người đàn ông đang thay quần áo. Nàng phải nhận trường-hợp ấy.

Người chị nhìn chồng quanh-quần bên em, coi như không có mình, thấy phật lòng. Lúc ba tâm hồn đụng nhau trong cuộc gặp-gỡ âm-thầm, yên-lặng này, lòng tự ái của người chị bị thương tổn. Bà như muốn nhắc cho hai người kia biết rằng bà đã chủ trương hết các việc này và mọi sự xảy ra đều do theo tay bà.

Phút thiếng-liêng nhất trong đời Quì, lúc nàng từ một thiếu nữ thành một thiếu phụ, có mấy tiếng ho từ giường người chị ở phía ngoài. Quì như thấy có thùng nước lạnh dội lên người. Cái giường không còn phải của hai người, một người thứ ba đã len vào. Nàng thành một cây gỗ trong tay Mậu.

Vài hôm sau, người chị về nhà mẹ đẻ. Thực lòng bà cũng chẳng muốn đi nào, nhưng đã chót hứa với mẹ, với em, và bà cũng không muốn có chuyện ngay trong lúc này. Bà cũng cần nghỉ ngơi. Trong công việc vừa rồi, bà đã tốn mất nhiều sức khỏe và tâm-cơ. Bà cảm thấy công việc của bà chưa hết, và cuộc chiến đấu sau này có lẽ gay go hơn. Bà cần tĩnh dưỡng ít lâu. Trước khi đi người chị còn thu xếp mọi việc trong nhà, cắt đặt đầu ra đấy, như một người chủ đi xa, không tin kẻ ăn người ở. Quì nhận thấy trước thái-độ ấy, nhưng đương lúc nàng cần yên tĩnh, muốn rảnh thân, nàng bỏ qua.

Vắng người vợ cả, họ được dễ chịu hơn. Họ không phải tránh nhữ động, tựa hồ như thăm lên, vụng trộm. Quì không hề quên được mấy tiếng ho đêm hôm trước. Người chị vẫn quanh quất trong nhà, những đồ vật đều dũ một ít dấu vết. Chiếc áo của bà còn treo trên mắc ở góc buồng, là người đứng dính, chứng kiến những phút thân mật của Mậu và Quì.

Những lúc trò truyện, Mậu chỉ vô tình nhắc đến tiếng «chị», là Quì thấy ngay câu truyện vô vị. Nàng không thấy chồng hoàn-toàn của mình. Trong những phút thân mật nhất, vẫn có một người thứ ba len vào. Một ý nghĩ độc ác nảy trong óc Quì «Đá chị...» Nàng không dám thiết

tha mong như vậy, nhưng nếu người chị chết đi Mậu sẽ riêng cửa nàng. Đàn ông có thể yêu được nhiều đàn bà mà không ai mất phần, tình yêu uyên-chuyển, rộng rãi ứng dụng tùy theo tâm tính, trường hợp. Đàn bà thường chỉ biết một người đàn ông, nhất là một hạng đàn bà đã đặt vào một trường-hợp có danh nghĩa hẳn hoi, thì họ không thấy đường nào khác. Họ muốn chiếm độc quyền người đàn ông cũng không có gì lạ.

Những đêm ở khách-sạn, Quì không bị ám-ảnh, thấy chồng là của mình. Thấy nói đi Hà-nội. Quì bằng lòng ngay, tuy không lộ vẻ thích lắm.

— Lần này sang thì phải nhớ mua mấy chiếc đĩa hát nữa.

Mậu đang cắm cổ vào tờ báo và cơ hồ như đã nhai vữa miếng cơm trong miệng, ngừng nhìn nàng:

— Hôm đầu tháng vừa mua mấy chiếc xong. Em không thích nghe nữa à?

— Nhưng nghe đi nghe lại chán lắm. Ngày nào cũng chỉ có đĩa ấy, nhàm cả tai chịu sao được. Đĩa hát cần phải có mới luôn, mà em đã bảo anh đừng mua những đĩa ấy, anh không nghe. Có hay ho gì đâu.

— Những đĩa ấy hay đấy chứ.

— Hay nhưng mà cổ lắm rồi. Bây giờ còn ai ưa nữa. Có khách đến mà anh vẫn những «Sử án Bàng qui phi» với «Tam tinh xuất thế» thì họ cười chết. Anh xem còn nhà ai chơi những đĩa ấy nữa không? Họ mua những đĩa mới, như «Il pleut sur la route» «Poéma» chẳng hạn...

Ông Mậu đã ăn xong đặt bát xuống:

— Đấy là những đĩa khiêu vũ, mình có nhảy đâu mà mua những đĩa khiêu vũ?

— Thế anh không biết nhảy à?

Nàng ngược nhìn Mậu, rồi nhìn ngay xuống bàn ăn, khoé mắt rất nhanh, nhưng có một ý nghĩa mạnh hơn câu hỏi, và hơi có vẻ ngạc nhiên.

Mậu có vẻ ngượng:

— Không, anh không nhảy. Kể cũng chẳng khó gì, tập qua thì biết ngay, nhưng anh không thích. Lối chơi ấy để cho bọn trai trẻ, không xuy nghĩ...

Lại một dịp cho Mậu nói xấu, kết án bọn trẻ «ranh» không đứng đắn, không tư tưởng, chỉ ưa chơi-bời phung phá. Mậu cho khiêu-vũ là một trò chơi hạ đẳng, không xứng-đáng với một người đứng-dắn. Quì cầm ngang đôi đũa, nhìn vào bát cơm, im lặng. Mậu biện thuyết càng hăng. Mậu tự nhận là một người dả-dạn, lịch-duyet, không như bọn trẻ hăng-hái, sôi-nổi mà óc rỗng không, chỉ ưa phù-phiếm. Người như Mậu mới đủ điều-kiện gây gia-đình, đủ cho vợ con trông cậy. Mậu đại-khái kết luận rằng, con gái nếu biết nghĩ, phải lấy chồng như mình mới mới có được hạnh phúc vững vàng.

Mậu đã xong bài diễn thuyết, Quì vẫn lặng thinh. Nàng không đề ý đến lời chồng, nàng chỉ nghĩ rằng chồng không biết khiêu-vũ; ở thời-đại

này, một thanh niên không biết khiêu-vũ thì dù viển ra những lễ gì, cũng vẫn là một điều hèn kém. Nàng muốn chồng biết các lối ăn chơi, biết khiêu-vũ, không phải là để đi với gái nhảy là những kẻ thù của các bà có chồng, nhưng để cho hợp thời. Lắm lúc nàng cũng tò mò muốn vào những nơi ấy xem họ làm ăn ra sao. Lễ tất nhiên phải đi với một người đàn ông. Trong trường hợp nàng, chỉ có thể đi được với chồng. Mậu không biết nhảy, một ý muốn của nàng bị mất.

Thấy Qui ngồi lâu không nói, mặt đầy vẻ xa-xăm, Mậu mới nhận rằng không phải vì lời lẽ của mình mà Qui tự lự. Bát cơm đã hết, Qui vẫn còn cầm trên tay, tay kia chống đôi đũa xuống cạnh mâm.

Mậu nhắc :

— Em ăn nữa đi chứ ?

— Thôi, em ăn xong rồi.

Nàng đặt đũa bát xuống, thò-thẩn đứng dậy gọi con sen lên xếp dọn. Mậu tưởng nàng không vui vì câu truyện đĩa hát. Mậu vội chiều ý nàng, như đã quen chiều nàng từ lúc bắt đầu. Mậu muốn nàng vui để khỏi hư giấc ngủ chưa.

— Nếu em muốn mua đĩa hát thì chiều thứ bảy này về sớm một tý để có đủ thì giờ đi chọn. Lần này tùy ý em muốn mua thức nào thì mua.

■

Mậu loay-hoay với một bức thư viết cho vợ cả. Đến lúc ấy Mậu mới nhận thấy rằng đã mấy tháng nay, từ khi vợ cả về với mẹ đẻ, Mậu không có thư từ gì về và cũng không nhận được tin tức gì của vợ. Mảng vui với Qui, Mậu đã quên hẳn người vợ cả.

Vì câu truyện đĩa hát, nên Mậu lại nhớ đến vợ cả. Và câu truyện muốn viết lại rất khó nói, làm Mậu băn khoăn không biết hạ bút ra sao. Mậu lại tiếc rằng trong mấy tháng, sao thỉnh thoảng không viết thư thăm hỏi vợ, đã ngẫu nhiên « có mới nói cũ » để làm phật lòng người đàn bà. Mậu chắc người vợ cả cũng giận mình lắm, nên mới không có tin tức gì cho ông.

Câu truyện Mậu muốn viết cho vợ đây, là một truyện tiền nong. Mậu không ngờ rằng trong tình vợ chồng, lại còn có chỗ khó thổ lộ với nhau như vậy. Sự kiêng nể tăng lên vì Mậu tự biết rằng mình không phải.

Từ xưa, công việc trong gia đình Mậu vẫn do tay vợ. Vợ cũng khéo thu xếp. Lương chồng đưa về tuy không bao nhiêu, nhưng người vợ hàn gấm, tần tiện, chơi họ, cho vay nên cũng sắm sửa được ít đồ đạc trong nhà, và có được cái vốn nho nhỏ. Hai vợ chồng kin tiếng, ít giao thiệp, nên người ngoài vẫn tưởng Mậu giàu. Điều đó có lợi cho Mậu: vợ dễ soay sở tiền nong, và việc Qui vừa rồi mà thành, cũng một phần nhờ ở đó. Thực ra, gia tài của ông cũng chỉ gồm có ít ruộng xấu, hoa lợi không là bao, và một ít đồ đạc hỗn

tạp vì phần nhiều là của mua lại, nhưng cũng được một vài thứ có giá. Còn tiền mặt không có gì. Lương tháng của Mậu, trừ góp họ, chỉ còn đủ cho sự ăn tiêu dè sẻn.

Về lo việc Qui, người vợ cả đã lấy bát họ một nghìn đồng. Xong công việc còn thừa được mấy trăm, bà đưa lại cho Mậu, dặn chồng đóng họ và liệu việc tiêu pha.

Mấy trăm bạc đã đi như gió. Tiêu pha, chơi bời, làm tiêu tán mau hơn miếng sáo trên ngọn lửa. Mậu đương lúc sung sướng, ăn tiêu như nhà triệu phú. Những buổi sáng thứ hai, Mậu nhắm tình thấy tiền hao hụt, ông cũng có ý sốt ruột muốn dè sẻn lại. Bên Qui, ý đó lại tan mất.

Lúc này Qui đòi mua đĩa hát, là lúc Mậu sắp phải tiêu đến đồng bạc cuối cùng, mà còn hơn mười ngày nữa mới hết tháng. Mậu không dám trái ý muốn của người vợ trẻ. Cuộc hôn nhân đã ngầm theo một điều kiện : Qui chịu lấy lẽ Mậu là để được hưởng rất nhiều sung sướng vật chất. Mậu cũng đã ngầm nhậu lời. Qui tưởng Mậu giàu Mậu cũng đã sẵn lòng để Qui tưởng thế. Bây giờ mới được mấy tháng, đã chứng cái khó ra, Mậu thấy khó chịu, tự coi như một con bạc chơi gian. Đợi sau này dần dần Qui hiểu rõ tình cảnh Mậu hơn, sẽ thay đổi cách sống. Nhưng đó là truyện về sau, khi hai người dằng buộc nhau hơn nữa. Lúc này, Mậu phải chiều Qui, từ cái sở thích nhỏ, để Qui khỏi hối hận hoặc tiếc rằng đã chót lấy mình.

Nhưng làm sao ra tiền để đi Hà-nội thứ bảy này, để mua đĩa hát ?

Mậu liếc nhìn các anh em đồng sự ngồi cùng buồng giấy. Một vài người có tiền, nhưng Mậu không dám hỏi vay. Mậu biết trước rằng chẳng những không ăn thua gì mà họ còn mỉa mai, cho là câu truyện đùa, vì xưa nay Mậu vẫn lên mặt có tiền.

Mậu chợt nhớ ra rằng vợ cả có một món tiền riêng. Vợ vẫn chơi họ dẫu chồng. Số lương chồng hàng tháng đưa về, vợ tiêu pha, tính toán rất thanh khoản, còn bát họ đó là riêng của vợ. Mậu ngờ như không biết, nghĩ trong tình vợ chồng, đến lúc phải dùng tiền thì số đó cũng sẽ là của chung. Bây giờ đến lúc cần, Mậu thấy không dùng được món tiền ấy. Mậu thấy làm một việc trái ngược, người ta thường không bằng lòng. Làm thế nào giải quyết sự ăn tiêu tốn kém, mới vài ba tháng trời đã hết mấy trăm đồng. Nhà không có việc gì to tát phải tiêu nhiều, Mậu không ốm đau. Nếu nói thực, thì lại là trên gan vợ cả, không khi nào họ chịu bỏ tiền ra vì những lẽ ấy. Đành rằng nói dối. Nói dối bằng cách nào ? Khó nghĩ quá.

Mậu cần đã nát cái đầu quân bút gỗ. Tờ giấy mặt mới được một giòng ngày tháng, và hai chữ « Mợ cả ». Trong những phút tự lự, thỉnh thoảng lại thoáng qua bóng Qui và những lúc êm đẹp.

Mặt thấy ấm áp, lại càng cố nghĩ bức thư. Sau cùng, Mậu tìm được một kẻ cho là thượng sách. Mậu bịa ra một người bạn trong sở cần tiền. Cho vay những chỗ đó chắc chắn, cuối tháng có thể trừ ngay vào lương họ. Mậu nói là đã nhận lời cho vay, và giục vợ gửi tiền lên.

VIII

CHIẾC xe tay xích đỗ, Bà Mậu lớn tiếng gọi con sen. Con sen thò cổ nhìn rồi chạy vội ra.

— Thưa mợ đã lên.

Bà Mậu chỉ cho nó một lũ thùng, đồ mây, gói, chõng chất dưới chân xe :

— Ủ mày mang những thứ này vào trong nhà.

Con sen khom lưng ôm từng cái một đặt ra vỉ hè. Bà Mậu hỏi :

— Cậu có nhà không ?

— Thưa mợ, cậu con đi Hà-nội từ chiều hôm qua.

— Thế mợ hai đâu ?

— Mợ hai cũng đi với cậu con.

Bà Mậu đang xuống xe đứng dừng lại, một chân còn vướng giữa cái thùng và bó chổi mới. Con sen chưa kịp bê xuống, nó liếc nhìn bà Mậu, hình như nó vừa nói câu gì hớ hênh. Con sen đưa bà Mậu cái chìa khóa :

— Mợ cầm chìa khóa mở cửa, để con mang những cái này vào.

Bà Mậu cầm chìa khóa, trả tiền người phu xe, thông thả đi vào. Bà mở cửa nhà trên, quay lại bảo con sen :

— Nồi cá bống và những thức ăn thì để dưới bếp, còn những gói bọc nhật trình thì mang lên trên này.

Bà đẩy cửa vào nhà, mở thêm mấy cái cửa sổ cho sáng. Trong nhà có một vẻ lạ, như lúc người ta đi vắng lâu mới về, nhất là đồ đạc lại có sắp đặt lại. Ghế phòng khách có phủ đệm mới, lọ hoa vải đã thành lọ hoa thật, mấy bông hồng héo đẽ rơi cánh xuống bàn. Trên ghế đầu có chiếc máy hát, ngồn ngang mấy cái đĩa. Bà Mậu cầm xem từng chiếc, lật đi lật lại, rồi lại đặt xuống.

Trong phòng ngủ, trên giường chần chiếu sô sếch, bừa bãi như một buổi sáng chưa ai dọn. Mấy chiếc áo của M... của Quì tả-tơi trên mắc. Bà quay ra ngoài.

— Sen !

— Dạ.

Con sen chạy lên, khép-nép đứng góc nhà.

Bà Mậu hỏi :

— Mấy giờ rồi ? Mày đã làm cơm nước gì chưa ?

Con sen nhìn lên đồng hồ :

— Thưa mợ, mười một giờ. Nhưng con chưa làm cơm. Cậu con thứ bảy nào đi Hà-nội cũng không ăn cơm nhà hôm chủ nhật. Nếu có về sớm thì mấy làm cơm, nhưng thường thì chiều cậu con mới về.

— Thứ bảy nào cậu cũng đi chơi à ?

Con sen lưỡng lự, nó biết câu hỏi đó rất quan-hệ. Dá dưng nói gì thì hơn, nhưng nó đã chột nói câu vừa rồi, Nó ư Quì hơn bà Mậu. Quì hiền lành, dễ dãi, không soi mói, khắc nghiệt. Nó chưa từng bị Quì mắng về công việc bếp núc, một việc thường xảy ra luôn với bà Mậu. Bà Mậu chòng-chọc nhìn con sen. Nó nói :

— Thưa mợ không. Thỉnh thoảng cậu con mới đi.

— Lần nào cậu đi, mợ Hai cũng đi chứ ?

— Vâng.

Con sen như buột mồm trả lời tiếng ấy, rồi nó lại tiếc. Nhưng nó biết nói thế nào ?

— Thôi, mày xuống thổi cơm cho tao ăn. Không phải đi chợ nữa, những thức ăn tao mang lên đấy dọn ra cũng được.

Bà Mậu thay áo, vào trong buồng. Bà đẩy cái áo gối cho ngay ngắn, ngã lưng xuống giường, nằm ngửa nhìn lên trần.

Bà lan man nghĩ đến chồng và em gái ; bà thấy đã bắt đầu xảy ra những điều sai với bà dự tính. Bà tưởng chồng đối với Quì cũng như đối với bà ngày trước, một tình ái đều đều. Nay xem ra Mậu say mê Quì, quên hẳn bà, hàng tháng không được một bức thư thăm hỏi. Họ đưa nhau đi chơi, sắm sửa. Bà đã bị bỏ quên trong xó, như một vật người ta không còn dùng đến. Bà nghĩ đến em, trẻ, đẹp hơn bà, nghĩ đến ugoài ba chục tuổi của mình, bắt giắc thổ giải. Bà lại tự an ủi : « ...lúc mới ai chẳng thế... » Nhưng ngày xưa ông Mậu có say mê bà thế đâu, hồi ấy bà cũng trẻ và đẹp ?

Câu trả lời đến ngay. Trước kia ông Mậu không có tiền. Vợ chồng còn phải hàn gắp, làm ăn, không được dư dật để chơi bời, xa xỉ. Bây giờ người ta có tiền, thì người ta phung-phí, người ta quên hẳn bà. Bà chắc rằng ông Mậu đã tiêu hết số tiền bà đưa trước khi đi, và bức thư vừa rồi là một cơ đối dá để lấy tiền của bà.

Con sen dọn cơm, tiếng đĩa bát lạch-cạch bên ngoài. Bà Mậu cũng không buồn trở dậy. Gian buồng ngủ đóng kín cửa : ánh sáng lờ mờ đưa người ta vào sự suy nghĩ. Các đồ đạc thêm vẻ thân mật và nhắc nhở những việc đã qua. Mỗi vật đều có giữ một chút kỷ-niệm của bà và Mậu, bây giờ đem nhắc lại. Bà nhìn như muốn hỏi xem tron mấy tháng nay chúng thấy những truyện gì.

(Còn nữa)

Cải chính

Trong tiểu-thuyết Đưa con kỳ trước, trang 30, hết câu : « — Thì chị cứ bảo bà cụ trên ấy xuống ». là hết trương V. Câu « Bà Mậu chần chọc thâu đêm... » bắt đầu trương thứ VI. Thợ nhà in nhầm nối liền hai trương đó.

VỀ CHUYỆN MỘT CHIẾC VA-LY...

(Tiếp theo trang 22)

« Lạy Chúa, chúng tôi là kẻ có tội ». Một đêm mưa gió trên sông lạnh hẹp tối om om, xa làng mạc, chợt nghe những điệp vận cầu nguyện lạnh lạnh này của một đoàn người bên giáo, bên những ánh nến ma quái lung lay, tôi thấy cả một cái không khí của mấy cuốn Cựu Ước Kinh và Tân Thế Giới và những cái ghê rợn của ngày « Phiên Luận Tội Về Sau Này ».

Người thuyền trưởng thuộc đường thể mà thuyền cũng cứ bị mắc cạn, mũi thuyền thượng lên bờ kênh. Ấy thế rồi cứ gần về sáng, nước rút hết lúc nào không biết.

Cái đêm đầu tiên thuyền mắc cạn ở Kênh Toán, tôi đã đem rượu ra uống xuống rồi gối đầu lên cái va-ly mới, tôi đã vỗ về chiếc va-ly và vỗ bảo lòng tôi rằng thuyền cạn rồi thuyền lại nổi, con nước thủy triều xuống rồi con nước thủy triều lại lên và « khởi hành ban đêm ; tỉnh giấc giữa cái sán lạn của bình minh rồi cảm thấy chỉ có Hai-Ta phủ phủ trên cái bắp bênh của sóng. »

Mãi đến gần trưa ngày sau, con nước mới lên đủ mực, nhắc bồng thuyền lên rồi quá trưa, bọn tôi ra khỏi Kênh. Lúc mặt trời vàng mặt, thuyền bỏ neo ghé đồn Lạch Trường trình sớ hoành then.

Sớm ngày thứ ba, cả thuyền sắm sửa lại lèo lái để ra khơi. Con đường vượt bể, là cái đoạn này. Tôi thả chân bên mạn thuyền, ngồi nhìn những người đi đạo lặn xuống nước mò những con hàu. Họ ngậm ngang mồm một con dao, lặn xuống nước một lúc lâu, tìm những tảng hàu cắn vào sườn đá, cạy ra rồi ngoi lên mặt nước, vuốt mặt, nhổ và thở phì phì ; họ vuốt mặt, vuốt mắt và nhìn lại chân trời đẹp với sự khó nhọc chiêm dằm. Những cặp mắt toét và những cái miệng mếu máo đầy nước mặn ấy của những người đi cạy hàu gợi tôi nhớ đến mấy đoạn sách của Panaît Istrati tả cái cảnh huống những người lặn tìm bọt đá bẽ ở các vùng đông hải phận Địa Trung Hải. Ở lòng nước bẽ ấy, mỗi cái tắm nước nổi lên mặt sóng lặng là một giọt máu của một người. Người lặn xuống cạy bọt đá, có khi không nổi tắm lên nữa, lấy luôn cái đáy bẽ có lót bọt đá ấy làm một cái mồ. Vậy mà hàng năm, vẫn cứ

có bao nhiêu người khác phải lặn xuống như thế, hồ biển cái đáy hải phận ấy thành một cái nghĩa chũng chìm dưới nước. Tại sao thế? Tại vì có những người mỹ nhân trên thế giới cần có luôn luôn bọt bẽ để tắm kỳ nước da mình cho mãi mãi được trắng mịn.

Trình giấy đồn xong, thuyền bọn tôi ra khơi. Cả một vùng Lạch Trường đang bỏ lụi lại sau cuống lái, có một cái gì đáng lưu ý nhất thì là những nại muối. Những ruộng muối vuông vắn, thấp cao từng đợt cấp gọi đến những thửa ruộng ở ven đồi các xứ trung du ngoài Bắc. Nước biển khô cạn trong lòng nạt, những dân vùng duyên hải này — do nhà Đoàn thuê làm cu-ly trả công nhật — cào vụn ra và coi lên thành đồng thành ụ. Đứng trên thuyền, từ xa trông vào nại có những trời canh, những ụ muối trắng và những cái mốc sơn trắng có đánh số hiệu từng nại một kia, cho ta ngộ nhận đấy là một cái bãi tha ma mới được nhiều người sống săn sóc đến luôn. Phía gần nại muối là làng Y Vích Lộc Tiên. Lũy tre xanh hẻo lánh này là quê hương ông bạn Đinh Chương Dương. Người cố nhân ấy, giờ thực là hạc nội mây ngàn. Có nhiều bức thời sĩ bảo tôi rằng hiện giờ ông đang Lị an trí ở một khu đất tập trung ở vùng Mọi rồi. Thuyền lướt qua làng ông bạn, tôi búi ngùi cho tất cả những cuộc đời của kẻ sĩ có chi mưu việc lớn và không khỏi nhớ đến một đôi câu đối cảm khái của ông bạn họ Đinh đọc cho nghe từ hồi bảy tám năm về trước.

« Sơn thạch hàm bì sương túc lệ

« Giang lưu thôn hận thủy vô thanh

Lúc này, mặc dầu sóng vẫn róc rách bên mạn chiếc Hồng Cơ, tôi vẫn cho giòng nước đây nuốt hộ giận cho bạn mà không lên tiếng và sương đêm qua đọng trên núi đảo Hòn Nẹ đang đi qua này cũng một cái sầu muôn thuở muốn tuôn g lệ.

Biển rộng đã bắt đầu. Hết sóng gối dóc rồi đến sóng vỗ tai. Người thuyền trưởng luôn tay đổi giây lèo và mấy lá buồm lúc thì chạy theo lối cánh xếp lúc thì chạy theo lối cánh tiên. Tuy rằng chạy ra hiên nhưng lúc nào cũng nhìn thấy đất liền. Đây đã là cửa bể Thần Phù rồi. « Lênh đênh qua cửa Thần Phù ; khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm ». Phía trong mũi núi kia là hang Từ Thước.

Thuyền gặp một đàn cá he ngoi lên khỏi mặt nước. Đen như minh trâu và to bằng con trâu. Những người đi bễ vốn sợ giống cá này, lăm lét nhim trộm đàn cá he ngoi lên ngụp xuống và thì thầm : « Ông đang múa đấy. » Thuyền thuận gió, chạy non ba tiếng đồng hồ rồi từ-từ vào lạch, vào đất Phát Diệm.

. Trước mắt tôi, từ phía chân trời, có bao nhiêu cái nóc nhà thờ đạo cứ rút lại gần. Và hai bên ven lạch, bên phải bên trái, quá trong những làng mạc xa kia đều là nhà thờ cả. Thuyền bọn tôi gặp những thuyền chợ đi ngược lại, chở toàn những cô gái buôn khuôn mặt và cặp mắt xinh đẹp đều đập theo cái vẻ đẹp nhu mì của thánh Marie. Cái vùng bễ này vốn là quê hương của bên giáo. Trong kia một chút nữa thôi, đã là Kim Sơn.

Buổi chiều một ngày thứ bảy, thuyền bọn tôi cắm neo ở cửa Đồn Cống đã san sát những cột buồm và giây lèo. Thuyền Thanh, mảnh Nghệ; thuyền Nam, thôi thì đủ. Ở đây có thể gọi là một cái rừng cột buồm được. Chủ thuyền có kẻ cho nghe rằng vào cỡ một chạp, các mảnh Nghệ hẹn gặp nhau ở đây, họp thành đoàn, đợi gió rồi đốt mã về ăn Tết, vui không biết thế nào mà kể.

Đêm đến, cảnh chỗ bến Đồn Cống không đến nổi tẻ vắng, có những cô gái Kim Sơn chèo những chiếc thuyền thúng đi chào hàng. Họ quỳ gối xuống sạp thuyền, hai tay chèo đều đôi mái. Thuyền nan lướt qua, len vào kẽ các thuyền gỗ, lửa thuyền nan — thường là một ngọn nến thắp trong khoang vắng chứa đầy rượu — chấp chới hấp hay theo ngọn gió lửa của sông. Cái đám phụ nữ bán hàng tạp hóa trên mặt nước này, có đùa họ, không bao giờ họ không biết giận !

Mãi đến mười giờ sớm hôm sau, mới trình trong sổ hoành then,

KIỂM D BỎ 8 GIỜ

chủ thuyền đều phải đi vào độ hai ba hào. Mấy hào chỉ này đã thành một cái lệ. Nghĩ đến cái người ký Đoàn ấy giữ việc áp dấu đồn vào sổ thuyền trình mà tôi lại thêm nghĩ đến những cái hống hách, xách nhiễu của một hạng người thu thuế trong việc thông thương các sông ngòi của xứ Cờ Việt Nam có những ông Tuần Ty dĩ công vi tư, ăn chơi xa xỉ lừng tiếng từng vùng từng quận.

Mãi đến một buổi sớm khởi hành của bao

hiều con thuyền hôm nay, tôi mới nhận thấy hết cái ý vui sướng ngụ trong mấy chữ thuận buồm xuôi gió. Tất cả bấy nhiêu thuyền đều dong buồm hết. Buồm lá trưởng của thuyền Nam đúng là những bức trướng vải dam ma. Buồm chỉ thiên của đoàn thuyền Thanh đẹp nhất. Và mạnh bạo nhất thì vẫn là những cánh buồm giới vẽ lại cái dáng điệu của những chiếc thuyền Tàu Ô đi trên bễ.

Phải đi thuyền, lần theo những bờ ruộng xanh um nơi này thì mới nhận rõ thấy cái tính cách hiền lành và tẻ nhạt của vùng Sơn Nam Hạ. Thuyền bè vùng Nam hay dùng mây song để kéo những lúc tắt gió, trái với lối ở Thanh thì chống sào và ở Nghệ thì chèo. Chỉ ở một nơi mà sơn xuyên thiếu hẳn thì mới kéo được thuyền như thế thôi.

Ánh nắng xiên khoai không bị vướng bởi những cái gờ ghề của các tỉnh có núi non, đã tà tà chiếu thốc vào những bờ sông cỏ non xanh rờn. Đến quãng Tam Tòa Lục Bộ, tắt gió. Thuyền trưởng giao cuống lái cho con cầm, nhảy ùm xuống nước, lồng mũi song vào vai, gù người xuống kéo con thuyền và hò :

« Ở... ở... bến ôi bến nghỉ... thuyền về ».

Ấy thế rồi chiều ấy lại nổi cơn giông. Chúng tôi phải ngủ lại ở khoảng gần ghềnh Thao Ma Thổ Phụ để thỉnh thoảng tỉnh giấc nhìn những đước lửa chập chờn như ma chơi của những thuyền hàng khác phải cho kéo đêm cho kịp kỳ chợ phiên. Bảy tám năm xưa, tôi cũng đã về ngủ một đêm ở gần đây để tìm một người dân bà... Đêm tối như đêm giao thừa. Vẫn lại mưa rả rích. Mưa trên sông. Mưa xuống mái bồng. Mưa trong lòng.

NGUYỄN TUÂN

HỘP THU'

Ô. Ph-C-L. (Hanoi). — Đã nhận được 2 truyện dịch — Xin cảm ơn — Đang xem.

Ô. Bùi-H. (Vinh). — Có nhận được « cái đồng hồ » — Xin cảm ơn — Sẽ đăng.

Bạn Tạ-như-K. (Saigon) — Xin cho biết địa chỉ — Đã hai lần đánh điện-tín hỏi mà vô-hiệu.

Ô.Đ. Bạch-V. Tr-Đức-T. (Haiphong) — Có nhận được bài — Xin cảm ơn — Rất tiếc không đăng được.

Các bà XX (Bắc-Giang). — Chúng tôi rất chú-ý đến những vấn-đề phụ-nữ — Mong được các bạn gái viết giúp.

Ô. Tr-Mai-N. — Đã đọc hết tập cáo-luận : « Hoa chen nơi vườn Nghệ-Thuật ». Có nhiều ý hay. Song rất tiếc không đăng được. Lệ nhà báo không gửi trả bản thảo.

Anh em thanh-niên nay đến lúc...

(Tiếp theo trang 5)

Trước hết các bạn tin rằng các nhà cầm quyền, khi khởi xướng một việc rất mạnh bạo như việc này; tất đã trông thấy trước ta những trở-lực ấy. Chính-phủ lần này muốn tìm người xứng đáng để giao quyền chính trong dân-quê, là trông vào phải học-thức tân-tiến. Muốn sự thực hành việc cải lương có kết quả, các nhà cầm quyền hẳn phải nâng đỡ các bạn khi các bạn cần đến.

Ngay bây giờ, tôi xin thay mặt các bạn thanh-niên muốn nhận làm việc làng, yêu cầu các nhà cầm quyền một điều, là theo dõi và kiểm soát chặt chẽ việc lập bảng ngôi thứ của các làng cho sự đề cử được xác đáng, vì nhà làm luật về việc này để toàn quyền cho tục lệ làng, mà khoán-lệ các làng ít nơi, được minh bạch khúc-triết; giải thích những tục lệ trong việc này cho chân thực và hợp lý, không phải là việc dễ (1).

Sau hết tôi tin rằng những trở lực tôi đã nêu ra lại chính là một cơ để các bạn càng hăng hái nhận đảm đương cái trách-nhiệm ấy. Vì đặc-tính của thanh-niên là ham hoạt-động, trong tranh đấu! Và lại với trở-lực nào mà chẳng có cách đối phó Họ có phe đảng, Ta cũng sẽ có phe đảng. Nếu trong làng ta không tìm được đồng chí; ta sẽ kết liên với các anh em đồng chí ở ngoài. Ta sẽ lập một hội các ông tiên chỉ mới, mục đích để giúp đỡ nhau, huấn-luyện nhau, để cùng nghiên-cứu một vấn-đề (vấn đề nước ăn chẳng hạn), cùng mưu tính những công việc chung cho nhiên làng (lập một trường tiểu công-nghệ, tìm cách tiêu-thụ những sản vật của một vùng, đào một cái cống dẫn nước ở máng vào ruộng...) cùng tìm cách « xoay » tiền để làm việc (tổ chức buổi hát, xin phép quyền tiền, xin tiền trợ cấp...). Hội ta sẽ có cơ quan riêng, sẽ gây thế lực bằng đủ mọi cách sẽ liên lạc với các hội-thiện thường sẵn sàng đến đời sống dân quê để thêm tài lực và vây cánh.

NÓI tóm lại một dịp hay đưa lại cho thanh niên ham hoạt động. — Một việc mà chính phủ muốn cho ta làm — Một việc làm được vì ta có hai lợi khí: quyền và tiền — Một việc nếu ta không làm thì anh em dân quê sẽ bị điều linh hơn trước vì quyền chuyên chế của bọn cường hào bắt lực và bắt lương.

Vậy lãnh đạm là một tội lỗi.

Các bạn chớ coi việc làng là việc nhỏ. Tôi công nhận rằng, trên hội-đồng hương chính, còn nhiều hội-đồng to lớn lắm mà các bạn có thể cho là xứng đáng với tài sức các bạn hơn. Song xin các bạn trông đến thực sự. Và kiên tâm, cố gắng đi từng bước nhỏ, nhưng chắc, nhưng mau.

Chính thực ra việc làng đáng là việc quan trọng hơn mọi việc. Một bạn đã nói với tôi: « Người ta cứ bảo ở nước ta, gia-đình là nền-lảng của xã-hội. Không phải. Hương thôn mới là nền tảng của xã-hội ». Đúng như vậy. Nếu bạn này, bạn khác, đều nhận về làm việc làng, nếu tất cả các làng đều có một ông tiên-chỉ xứng đáng, nếu tất cả các làng đều xây được một cái giếng có nước ăn trong sạch, thiết tưởng đã là một sự tiến bộ lớn cho nòi giống!

Mà nếu chẳng làm được việc gì, chỉ một việc các bạn dành cái quỹ làng ở tay những bọn một dân cũng là một cái công ơn rất to cho anh em dân quê rồi.

VŨ-ĐÌNH-HÒE

(1) xem bài « vấn đề ngôi thứ ở hương thôn » của Tân-Phong trong số này.

Các em gây còm, sanh xao, lâu
nhờn nên đòi cho được:

Kẹo thuốc TONIGOSS (1\$20)

có chất lọc ở gà và chất
calcium ng nhưng.

Các bà có trẻ bé trong nhà nên mua sẵn:

thuốc SIROP ENFANCE (1\$20)

phòng và trị các bệnh tiêu nhi: nôn, chớ, ăn
không tiêu, khó ngủ hay mếu khóc vãn vãn...

Bán tại:

PHARMACIE VŨ-ĐỖ-THÌN

Hanoi và đại-lý các tỉnh

Thế giới

TRONG THÁNG VÙ'A QUA

của D. A.

Ở Đông-Âu-Chiến tranh Nga-Đức

Trận Smolensk sau 4 tuần kịch chiến đã kết liễu. Đức đã thắng. Nga mặc dầu quân Nga đã kháng chiến rất mãnh liệt. Những nhà chuyên môn về quân sự nói rằng sở dĩ Đức thắng ở trận khùng khiếp ấy là vì đã huy động những phần tử trọng yếu trong quân đội: nhiều tướng thao lược, một đội không binh tàn phá khốc liệt, và một bộ binh dũng cảm vô cùng (Bộ binh đã phải chống giữ với địch quân trên một trận tuyến dài tới 1000 cây số). Thêm vào những lợi điểm ấy còn có cách tổ chức sự thông tin và sự liên lạc với hậu quân rất hiệu nghiệm.

Sau 56 ngày chiến tranh, sau cuộc thắng ở Smolensk Đức đã thông cáo cho hoàn cầu biết sự tổn hại của Nga Xô viết và tình hình các mặt trận: Sau khi đã chiếm được Dunabourg, Riga và quét sạch quân Nga ở Lettonie, quân của Thống Chế Buch đã chọc thủng được trận tuyến quân Nga ở phía nam hồ Peipous, chiếm được Pskov và Ostrow, rồi tiến về nẻo Leningrad Đại tướng Von Kechler cũng thắng lợi ở Estonie. Ở miền Nam đại tướng Stuelprégel và thống chế Von Reichenau nỗ lực tấn công về nẻo Kiev. Ở miền trung ương, quân của tướng Von Bock đã đại thắng quân Nga ở trận Smolensk.

Sau tuần lễ thứ tám của cuộc chiến tranh Nga Đức thì hết thấy các đất đai của Nga Xô Viết chiếm được trong hai năm 1939 và 1940 (Ba Lan, Bessarabie, những nước ở Vịnh Baltique) đều về tay quân Đức và Lỗ chiếm cả. Quân Đức ở mặt trận Bắc cố tiến tới Leningrad và ở mặt trận nam cố tấn công về nẻo Odessa, một tỉnh lớn ở trên bờ Hắc-Hải.

Hiện thời, diện tích của những đất Đức chiếm được của Nga có tới 10 cây số vuông, nghĩa là hơn cả diện tích nước trước Septembre 1939. Số tổn hại của quân Nga rất lớn theo tin Đức: 14.000 chiến xa, 11.000 phi cơ, 15.000 đại bác, gần một triệu tù binh và 4 triệu quân bị thương hoặc bị thiệt mạng. Nhưng tới được những kết quả ấy, quân Đức chắc cũng tổn hại rất lớn và các thông cáo của Nga cũng hiển cho sự tàn mạt của ta những con số không lồ gần tương tự như những số trên đây.

Mặc dầu sự tổn hại ấy người ta nhận rằng lực lượng kháng chiến của Nga Xô Viết vẫn chưa bị

phá hết, và quân Đức còn gặp ở đất Nga nhiều trở ngại lớn nữa, trong đó có một trở ngại thiên nhiên đáng kể là mùa rét sắp tới với tháng Septembre. Quân Nga sau khi rút khỏi một nơi nào đều phá hủy hết cả các dinh thự và cơ quan tích trữ vật liệu và lương thực.

Trước lực lượng kháng chiến của Nga, bộ tư lệnh Đức đã bỏ cái mặt trận chớp nhoáng ở Đông Âu rồi. *Odessa, Kiev, Moscou, Leningrad* vẫn ở tay quân Nga. Thông cáo Xô Viết ngày 25 Aout báo Hồng quân đã phá hủy được ở mặt trận Odessa cả sư đoàn thứ 15 của Lỗ, làm tổn hại cho địch quân 10.000 người bị giết và bị thương, chiếm được nhiều đại bác và súng liên thanh. Ông *Lozovsky*, phó giám đốc của ban thông tin Xô Viết có tuyên bố rằng sau hai tháng chiến tranh, người ta đã thấy dư luận của hoàn cầu trước kia về lực lượng của Nga cần phải sửa chữa lại. Nga đã tỏ ra là một địch thủ lợi hại của Đức, nếu không là một địch thủ ngang sức, theo lời quả quyết của ông Churchill.

Đêm 27 Aout, ở mặt trận Bắc quân Nga đã đánh bại 2 cuộc tấn công của Phần-lan. 8 chiếc tàu vận tải Phần lan bị đánh đắm. Hitler quyết định không ngừng cuộc tấn công ở Nga trong mùa rét. Đức hiện thời vẫn thắng lợi và uy hiếp Leningrad và Odessa. Tin Đức nói quân Đức đã sửa soạn trận mùa đông, đã đặt làm ở Thụy Sĩ nhiều nhà gấp vào tháo ra được để quân lính mang theo, nhiều xe phá tuyết và chở tự Na-Uy và Thụy Điển về nhiều Skis và áo lông cho sự cần dùng của quân đội.

Chiến tranh Nga Đức còn có cơ kéo dài ra mãi, gia dĩ quân Anh và Nga lại muốn lập một trận tuyến rất dài đi từ Bắc Phi, Trung Khánh, và đã bao động Ba-Tur để đi tới mục đích ấy.

Việc Ba-Tur và những hoạt động của Anh

Cuộc hội kiến giữa ông Roosevelt và ông Churchill trên mặt biển hôm 11 Aout đã là một việc được cả hoàn cầu chú ý. Hai chiếc tàu *Augusta* và *Prince of Wales* đã gặp nhau vào khoảng 60° vĩ tuyến Bắc. Sau cuộc hội thương ấy có một bản tuyên cáo chung gồm 8 điều của hai chính phủ Anh và Mỹ về sự quyết định của hai nước diệt chế độ quốc-xã và tổ chức hoàn cầu sau này theo công bình và nhân đạo. Những nhời tuyên cáo ấy đẹp đẽ thực nhưng chỉ có tương lai mới có thể cho

ta biết được nó có giá trị gì không, vì 23 năm trước đây, tổng thống Mỹ Wilson cũng đã vượt bề mang 23 điều sang Âu châu hứa cho các dân tộc thái bình và hạnh phúc !

Nhưng những kết quả thực của cuộc hội kiến ấy là sự quyết định của Mỹ mang lực lượng lớn giúp Anh và Nga ; và sự hành động của Anh ở Trung Đông. Anh và Nga đã uy hiếp Ba Tư, lấy cớ rằng Ba Tư dung túng kiều dân Đức để làm nguy hại đến quyền lợi của Anh Nga. Ở Téhéran vẫn điều đình trong khi Ba Tư sửa soạn quân đội phòng sự bất trắc. Bản phúc đáp của chính phủ Iran ngày 22 Aoút không làm hài lòng Anh. Ngày 23 Aoút Anh gửi tối hậu thư cho Ba-Tur, bắt phải trục xuất 80% kiều dân Đức ra khỏi đất Ba trước 31 Aoút. Đồng thời quân Anh qua Syrie vào Irak, tập trung ở cương giới Ba Tư, và quân Nga tập trung ở Caucase. Không đợi cho tới hạn 31 Aoút, ngày 25 quân Anh và Nga đã vượt cương giới đánh vào Ba Tư. Anh huy động cả thủy, lục, không quân và đánh vào hai ngã, một ngã do biên thủy Irak tiến sang, một ngã ở Ấn Độ đánh tới qua xứ Beloutchistan tròng Wawel chỉ huy quân Anh và Ấn, đồ đốc Arbuthot chỉ huy hạm đội ở vịnh Persique. Quân Nga do đường Caucase tiến vào.

Ba Tư là một nước nhỏ bỗng nhiên vô tội bị một họa lớn. Hơn 10 vạn quân và hơn 200 phi cơ của một dân tộc không sửa soạn chiến tranh, lẽ tất nhiên là không sao địch nổi được 60 vạn địch quân có chiến cụ tối tân và thao lược hiện ra ở khắp các mặt biên thủy. Thử có hiệp ước tương trợ với Ba Tư, Thử có hành động không ? Và Đức có tới cấp cứu không ? Những hi vọng của Ba Tư đều tan cả : Vì Nga đã công bố cho hoàn cầu biết một hiệp ước bí mật giữa Nga Ba Tư ký năm 1921, trước hiệp ước tương trợ Thổ-Ba Tư, cho Nga quyền đóng quân ở Ba Tư (để phòng sự xâm lăng của Anh), nên Thổ viện cớ ấy không, mang quân giúp Iran. Đức cũng không hành động gì vì còn bị vướng ở mặt trận Nga trong ba ngày quân Anh đã tiến được 160 cây số trên đường từ Khanouin đến Chahabah. Quân Nga cũng tiến đến Chud Maran — Ardebil ; Mevi Heviresa và chiếm được nhiều tỉnh của Ba Tư. Quân Anh đã kiểm soát các khu dầu hỏa lớn của Ba Tư.

Trước cuộc tiến của Anh Nga, vua Ba Tư đã yêu cầu đình chiến và hứa sẽ trục xuất kiều dân Đức. Nội các Ba Tư từ chối và nội các mới quyết ngừng cuộc kháng chiến. Mặc dầu Ba Tư đã tỏ ý hàng phục, quân Anh vẫn tiến và hôm 30 Aoút đã chiếm Abadan một nơi lọc dầu lớn vào bậc ở hoàn cầu. Chủ ý của Anh cũng dễ thấy : cứ tiến đánh để chiếm các nguồn nguyên liệu và giữ đất đai để có thể liên lạc dễ dàng được với quân Nga và bắc một chiếc cầu từ Cận Đông sang tới Ấn Độ, để rồi có thể liên lạc được với Trung Khánh. Cuộc thắng của Anh Nga ở Trung Đông này gây

thêm một khó khăn cho Trục, và nếu trận tuyến lan sang lan sang tới Ba Tư, Ấn Độ, thì Viễn Đông cũng sẽ ở vào một tình thế nguy hiểm.

Ở Viễn-Đông

Hiệp ước bình bị giữa Pháp và Nhật đã làm dư luận Anh và Mỹ sôn sáo

KIỂM DUYỆT BỎ 7 GIỜ

lại đến việc Anh Mỹ đòi vận tải khí giới cho Nga qua đường biển đến Vladivostoch. Nhật đã tỏ ý sẽ để cho Mỹ vận tải dầu và khí giới qua đường biển, nhưng Nhật giữ, quyền kiểm soát, và nếu Anh Mỹ chịu nhượng bộ về kinh tế.

Cuộc điều đình giữa Washington và Tokio vẫn tiến hành nhưng chưa có kết quả rõ rệt, tuy ông Molotov đã có hội kiến với đại sứ Nhật. Ta vừa được tin Cận-Vệ mới giao cho Roosevelt một bức thư riêng.

Nước Thái Lan hồi này được người ta chú ý đến đặc biệt. Ở đó hai ảnh hưởng tranh dành nhau : ảnh hưởng Anh và Nhật.

KIỂM DUYỆT BỎ 7 GIỜ

Tin sau cùng nói ông Churchill tuyên bố gửi một phái bộ quân sự sang Trung Khánh và ông Molotov cảnh cáo nếu Nhật cấm chở khí giới tới Vladivostock thì tức là tuyên chiến với Nga. Tình hình Viễn-Đông bỗng lại trở nên nghiêm trọng

Sách mới

Chúng tôi vừa nhận được một cuốn sách rất hay nhan đề là : « Témoignages », do mấy nhà thanh-niên trí-thức Việt-Nam soạn. Các tác-giả đã đem hết tài năng và lòng thành-thực của mình để dẫn giải cái nhiệm-vụ của phái thượng lưu trí-thức đối với nước Pháp.

Bản báo xin có lời cảm ơn.

« Sách bán ở hiệu Taupin Hanoi, giá : 0p.20 ».

Chúng tôi lại nhận được

1) « Tâm-hồn phụ-nữ » của Lan-Tu, Lê-doãn-Vỹ và « Hạt mưa » của Tao-Khê, của nhà xuất-bản Mai-Lĩnh gửi tặng.

2) « Nguyễn-trường-Tộ » của tác-giả Nguyễn-Lan gửi tặng.

3) « Năm-vụ » tác-giả : Bùi-Hiền, « Gây-dựng » tác-giả : Mạnh-phù-Tur, « Thế-giới tí-hon » (sách hồng) của nhà Xuất-bản Đời Nay gửi tặng.

4) « Thiên-lý-Mã » số đầu tiên của tờ báo Truyền Bá do ông Vũ-đình Long xuất bản.

Xin thành thực cảm ơn các nhà gửi tặng và vui lòng giới thiệu với các bạn đọc.

1^{er} Septembre 1941

BẮT ĐẦU KHAI TRƯƠNG
NHA IN HÀN-THUYỀN

53, Phố Tiên-Tsin — Hanoi



Nhận in đủ các sách
vở, báo chí, giấy tờ.



ẤN LOÁT MỸ THUẬT

CÔNG VIỆC LANH CHÓNG

GIÁ TÍNH PHẢI CHĂNG



Giám đốc: NGUYỄN-XUÂN-TÁI

Dầu

ĐẠI-QUANG

dùng trong lúc mùa hè
nóng nực là rất hợp thời

Ngào ngạt, nhức đầu, xổ mũi, đau
bụng, đi rửa, sốt nóng, sốt rét, đau
tức, cùng là cảm mạo, sưng hàn,
nắng gió, chỉ nên dùng dầu ĐẠI-
QUANG ngoài xoa trong uống là sẽ
thấy công hiệu ngay.

Đại-Quang
được-phòng

23, Hàng Ngang. Hanoi

Giấy nói : 805

Y - KHOA BÁC - SĨ

TRỊNH VĂN TUẤT

Cựu chuyên môn Răng và
Miệng tại nhà thương
Trousseau (Paris)



MỒ SẺ NG MIỆNG
Thay răng răng lệch



PHÒNG KHÁM BỆNH :

77, Hàng Đẫy — Hanoi

Giấy nói : 12.20

ECLAT D'ARGENT

Dentifrice de choix



PHARMACIE DU BON SECOURS

M^{me} NGUYỄN - ĐÌNH - HOÀNG

Pharmacienne de 1^{ère} classe

52 bis, Boulevard Đồng-Khánh

HANOI